

NIỆM - ĐỊNH - TUỆ
HỮU LẬU
và
NIỆM - ĐỊNH - TUỆ
VÔ LẬU

**NIỆM - ĐỊNH - TUỆ HỮU LẬU
VÀ NIỆM - ĐỊNH - TUỆ VÔ LẬU**

Bản quyền tiếng Việt © 2025, Thích Thắng Giải

Không phần nào trong cuốn sách này được sao chép hoặc chuyển sang bất cứ dạng thức hoặc phương tiện nào, dù là điện tử, in ấn, ghi âm hay bất cứ hệ thống phục hồi và lưu trữ thông tin nào nếu không có sự cho phép bằng văn bản của chủ sở hữu.

Thái Hà Books trân trọng cảm ơn mọi ý kiến đóng góp của độc giả.

Mọi thông tin xin gửi về:

- | | |
|----------------------------|-------------------------------|
| - Góp ý về biên tập: | publication@thaihabooks.com |
| - Tư vấn dịch vụ xuất bản: | dichvuxuatban@thaihabooks.com |

THÍCH THẮNG GIẢI

NIỆM - ĐỊNH - TUỆ
HỮU LẬU
và
NIỆM - ĐỊNH - TUỆ
VÔ LẬU



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



THAIBOOKS
Phụng sự để dân đầu

MỤC LỤC

<i>Lời thưa</i>	7
1 Tu tập Bát Chánh Đạo hữu lậu và Bát Chánh Đạo vô lậu	9
2 Một số đoạn văn kinh trọng yếu trong kinh Lăng Nghiêm	61
3 Đối chiếu nội dung kinh Bāhiya với các kinh điển Đại Thừa	117
4 Chân tâm và vọng tâm	145
<i>Lời kết</i>	159



LỜI THƯA



Tuy Đạo thánh để gồm có 37 pháp nhưng trong đó Bát chánh đạo là giáo pháp tối thượng bậc nhất, vì nó thu tóm ý nghĩa của các đạo để còn lại như Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực và Thất giác chi. Vì vậy, theo *Trung A-hàm, Đại Thiên Nại Lâm*, số 67, Đức Phật đã truyền trao lại pháp thừa kế cho Ngài A-nan để cho mạng mạch Phật pháp không bị đoạn diệt, đó chính là Thánh đạo tám chi. Và lại, Bát chánh đạo gồm có Bát chánh đạo hữu lậu và Bát chánh đạo vô lậu. Trong đó, hành giả tu tập Bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu quả tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn các bậc thánh giả tu tập Bát chánh đạo vô lậu nghĩa là tu tập giới - định - tuệ vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Như vậy, chúng ta biết rằng: tất cả những người xuất gia và những người cư sĩ

tại gia thuộc truyền thống Phật giáo Nguyên Thủy và Phật giáo Đại Thừa đều tu tập Bát chánh đạo để thành tựu giải thoát.

Mùa Phật Đản, Phật lịch 2567 (2023)

*Với tất cả lòng trân trọng,
Tỳ-kheo Thích Thắng Giải*

1



TU TẬP BÁT CHÁNH ĐẠO HỮU LẬU VÀ BÁT CHÁNH ĐẠO VÔ LẬU

Tu tập Bát chánh đạo hữu lậu

Như chúng ta đã biết, khổ đau là một chân lý luôn tồn tại theo tiến trình nhân - duyên - quả. Cho nên, dù Đức Thế Tôn có thị hiện hay không thị hiện nơi thế gian này, thì sự thật về con đường khổ đau ấy vẫn như vậy. Đó là một sự thật hiển nhiên mà chúng ta cần phải thấu rõ.

Trong nhiều kinh văn, Đức Phật dạy Khổ đế gồm ba thứ khổ hay tám thứ khổ. Ba thứ khổ là: khổ khổ, hoại khổ và hành khổ; tám thứ khổ là: sinh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, oán tăng hội, cầu bất đắc. Tóm lại, năm thủ uẩn này là khổ. Bởi vì năm thủ uẩn là pháp duyên sinh nên luôn chuyển động

vô thường, là pháp tàn hoại theo thời gian, thay đổi chẳng có điểm dừng, hư hoại, mục nát, suy yếu, mệt nhọc; là pháp không đáng để làm chỗ nương tựa. Vì vậy, theo *Trung A-hàm, A-lan-na*, số 67, Đức Phật dạy: ‘mạng sống tất cả chúng sinh hữu tình ví như hạt sương mai trên ngọn cỏ, lúc mặt trời mọc thì tan mất; cũng như lúc trời mưa lớn, nước giọt tạo thành bong bóng, thoát hiện thoát biến; cũng như cây gậy ném xuống nước, trôi lên rất nhanh, rất khó giữ được; giống như một miếng thịt nhỏ được bỏ vào nồi nước lớn, bên dưới lửa cháy hừng hực, sẽ tiêu tan rất nhanh; giống như trói tên ăn cướp dẫn đến dưới gốc cây nêu để giết, mỗi bước chân đi là một bước tiến gần chỗ chết, là một bước rời xa sự sống; giống như gã đồ tể dẫn bò đi làm thịt, mỗi bước chân đi là một bước tiến gần đến chỗ chết, là một bước rời xa sự sống; giống như dòng nước trên núi đổ xiết, chảy nhanh, cuốn trôi các thứ, nước chảy ào ạt không phút nào ngừng; giống như lúc đêm tối mà liệng gậy xuống đất, hoặc đầu dưới đụng đất, hoặc đầu trên đụng đất hoặc rơi ngay xuống đất, có khi trúng chỗ

đất sạch, có khi trúng chỗ đất không sạch; quá ít vị ngọt mà đau khổ, tai hoạn quá nhiều’.

Vì không thấy được bản chất thật sự của năm thủ uẩn là vô thường, khổ, không và vô ngã nên chúng ta chấp thủ vào chúng cho là thường trụ, là ngã, là an lạc. Từ sự lầm chấp đó, mọi khổ đau phát sinh. Do vậy, chúng ta không thể nào có được hạnh phúc, an vui trong đời sống thực tại. Dù sự thật này có thể dễ dàng thấu hiểu và cảm nhận, nhưng để thấu suốt một cách sâu sắc, điều đó phụ thuộc vào mức độ nhận thức, tư duy và chứng nghiệm của mỗi người.

Nhìn chung, dù khổ đau hay hạnh phúc, pháp thế gian (pháp duyên khởi) vốn vô thường, không có sự thỏa mãn, không có sự biết đủ; là tội tở của vô minh, ái và thủ. Vì nhận ra các pháp ấy thật sự không đáng tin cậy, không đáng để nương tựa nên nhiều người đã từ bỏ tất cả niềm vui, hạnh phúc và ước muốn trong thế gian để chọn cho mình con đường xuất gia tu đạo. Chí nguyện xuất gia học đạo của quý Thầy, quý Sư Cô là muốn đoạn trừ, vượt qua khỏi vô minh, tham ái, chấp thủ vào sự

tập khởi của năm uẩn làm thực ngã, để chấm dứt sinh tử luân hồi khổ đau. Dù người tại gia chưa đầy đủ nhân duyên để buông bỏ hoàn toàn sự nghiệp trong thế gian và xuất gia tu đạo như người xuất gia, nhưng họ cũng có cùng chí hướng là tìm thầy học đạo, tu tập để đoạn trừ sự khổ đau.

Trong *Trung A-hàm*, kinh *Văn Đức* (số 147), Bà-la-môn Sanh Văn hỏi Đức Thế Tôn như sau: *“Đệ tử của Đức Thế Tôn, hoặc có người tại gia, hoặc có người xuất gia học đạo, nhưng vì mục đích gì mà bác văn, tụng tập?”*

Đức Thế Tôn trả lời: *“Đệ tử của Ta, hoặc tại gia hay xuất gia học đạo mà bác văn, tụng tập là muốn tự điều phục, muốn tự tịch tịnh, tự mình cầu cứu cánh tịch diệt. Nay Bà-la-môn, đệ tử của Ta tại gia hay xuất gia học đạo vì mục đích này mà bác văn, tụng tập”* (Hòa Thượng Tuệ Sỹ dịch).

Thấy được ý nghĩa trên, người xuất gia và người cư sĩ tại gia cần phải phát tâm quy y Tam Bảo, lãnh thọ các học giới và học hỏi giáo pháp để thành tựu được chánh kiến của văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ.

Trong *Tạp A-hàm*, kinh *Bốn Mười* (số 1059), Đức Phật đã dạy về bốn mươi pháp thiện:

“Không sát sanh; dạy người không sát sanh; ca ngợi công đức không sát sanh và ở trong đời khi mình thấy ai thực tập hạnh không sát sanh thì tâm sinh hoan hỷ.

Không trộm cắp với bất cứ hình thức gì; dạy người không trộm cắp; ca ngợi công đức không trộm cắp và ở trong đời khi mình thấy ai thực tập hạnh không trộm cắp thì tâm sinh hoan hỷ.

Không tà dâm; dạy người không tà dâm; ca ngợi công đức không tà dâm và ở trong đời khi mình thấy ai thực tập hạnh không tà dâm thì tâm sinh hoan hỷ.

Không nói láo; dạy người không nói láo; ca ngợi công đức không nói láo và ở trong đời khi mình thấy ai thực tập hạnh không nói láo thì tâm sinh hoan hỷ.

Không nói lời thô ác; dạy người không nói lời thô ác; ca ngợi công đức không nói lời thô ác và ở trong

đời khi mình thấy ai thực tập hạnh không nói lời thô ác thì tâm sinh hoan hỷ.

Không nói lưỡi hai chiều (lời ly gián); dạy người không nói lưỡi hai chiều; ca ngợi công đức không nói lưỡi hai chiều và ở trong đời khi mình thấy ai thực tập hạnh không nói lưỡi hai chiều thì tâm sinh hoan hỷ.

Không nói lời thêu dệt, trau chuốt, phù phiếm; dạy người không nói lời thêu dệt, trau chuốt, phù phiếm; ca ngợi công đức không nói lời thêu dệt, trau chuốt, phù phiếm và ở trong đời khi mình thấy ai thực tập hạnh không nói lời thêu dệt, trau chuốt, phù phiếm thì tâm sinh hoan hỷ.

Không tham; dạy người khác không tham; ca ngợi công đức không tham và ở trong đời khi mình thấy ai thực hành hạnh không tham thì tâm sinh hoan hỷ.

Không sân hận; dạy người không sân hận; ca ngợi công đức không sân hận và ở trong đời khi mình thấy ai thực tập hạnh không sân hận thì tâm sinh hoan hỷ.

Không si mê; dạy người không si mê; ca ngợi công đức không si mê và ở trong đời khi mình thấy ai thực tập hạnh không si mê thì tâm sinh hoan hỷ.”

Khi các điều kiện để lãnh thọ giới pháp đã đầy đủ thì người nam xuất gia lãnh thọ mười giới sadi rồi tiến lên thọ giới bốn Tỳ-kheo; người nữ xuất gia lãnh thọ mười giới sadi ni rồi tiến lên thọ giới bốn Tỳ-kheo Ni.

Dù là người xuất gia hay tại gia, chúng ta đều cần phải nỗ lực nghiêm mật hành trì các học giới mà chúng ta đã phát tâm lãnh thọ, giúp cho thiện pháp ngày càng tăng trưởng. Đây là nền tảng đầu tiên mà chúng ta có thể đón nhận được sự an lạc, hạnh phúc chân thật ở nơi thân và tâm. Những giá trị do các thiện pháp mang lại không những chỉ ở đời hiện tại (hiện báo), mà còn nối tiếp cho đến những đời tương lai (sinh báo và hậu báo).

Ngược lại, với những ai không hành trì nghiêm mật các học giới đã phát tâm lãnh thọ, thì các thiện pháp sẽ không thể tăng trưởng, đồng nghĩa với việc bất thiện pháp sẽ ngày càng phát triển nơi thân, khẩu, ý của mình. Chính từ những nhân bất thiện

này sẽ khiến chúng ta không những chịu khổ đau trong đời hiện tại, mà còn dẫn sinh quả khổ đau trong các đời tương lai. Đó chính là pháp nhân - duyên - quả. Pháp duyên khởi này đã bao gồm cả hai yếu tố là nhân quả đồng thời và nhân quả khác thời. Nhân quả khác thời gồm có: Hiện báo, sinh báo và hậu báo.

Tuy chúng ta thực tập các học giới do Đức Thế Tôn dạy như vậy, nhưng để có được Định tâm thì mỗi người xuất gia hay tại gia cần phải chọn cho mình một phương pháp để tu tập như niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu của một Đức Phật, một vị Bồ-tát, một câu thần chú. Rồi sau đó, chúng ta cần phải ứng dụng phương pháp ấy vào trong đời sống để tu tập thì mới điều phục, đoạn trừ được tham, sân và si đối với năm thủ uẩn. Do đó, việc đoạn trừ tham, sân và si đối với năm thủ uẩn chính là nhờ chánh niệm, chánh định và chánh kiến, chứ không phải là hơi thở, hoặc danh hiệu của Đức Phật, danh hiệu của một vị Bồ-tát, hoặc một câu thần chú. Vì vậy, chúng ta là những

người tu tập thì nhất định cần phải hiểu rõ được ý nghĩa này.

Bởi vì chánh niệm và chánh định thuộc về nhóm định nên chúng sẽ có chung đối tượng duy nhất là pháp môn đã chọn, còn đối tượng của tuệ là tri nhận tất cả các pháp xảy ra làm sở duyên cho nó. Vả lại, chánh định và chánh tuệ được ví như ngọn đèn và ánh sáng, ngọn đèn ví cho định, còn ánh sáng ví cho tuệ.

Theo *Luận Thành Duy Thức* giải thích về niệm, định và tuệ như sau: “Niệm là gì? Tự tính của nó là sự nhớ rõ không quên mất của tâm đối với cảnh đã quen thuộc. Nghiệp dụng của nó là làm sở y cho định. Tức là thường xuyên ghi nhớ cảnh đã từng được tiếp nhận không để cho quên mất, có thể dẫn đến định. Đối với cảnh mà thể và loại của nó chưa hề được tiếp nhận, niệm hoàn toàn không phát khởi. Giả sử đối tượng đã từng được tiếp nhận nhưng không được ghi nhận rõ ràng, niệm cũng không phát sinh.

Định là gì? Tự tính của nó là khiến cho tâm chuyên chú trên đối tượng được quan sát mà không phân tán. Nghiệp dụng của nó là làm sở y cho trí.

Tuệ là gì? Tính giản trạch đối với đối tượng được quan sát. Nghiệp dụng của nó là đoạn trừ nghi”.

Ví như khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, nhờ có chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra, nhờ có chánh niệm và chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh kiến là nhận biết được hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức (năm thủ uẩn). Nhờ vậy, chúng ta mới điều phục, đoạn trừ sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành, thức (năm thủ uẩn) nên đem lại sự an lạc của thân và tâm.

Khi chúng ta thực tập chánh niệm, chánh định và chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức đang có mặt của chánh tinh tấn và chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập để đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức chánh niệm, chánh định, chánh kiến và chánh tư duy. Trong Bát chánh đạo: chánh kiến và

chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc nhóm giới (thiện); chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định (*Tiểu Kinh Phương Quảng, Trung Bộ I*, số 44). Nghĩa là, trong Bát chánh đạo thì năm chi là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc về tâm và phân làm hai nhóm: nhóm định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và nhóm tuệ (chánh kiến và chánh tư duy); ba chi còn lại là chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc về thân và khẩu được gom chung làm nhóm giới. Cho nên, khi chúng ta an trụ trong định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra nên sẽ dẫn sinh ra giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Như vậy, chúng ta tu tập Bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu. Tu tập giới - định - tuệ hữu lậu nghĩa là tâm luôn an trụ trong định hữu lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ hữu lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới hữu lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng).

Tu tập Bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu

Để tu tập giới - định - tuệ hữu lậu thì chúng ta phải chọn một phương pháp để tu tập như phương pháp niệm hơi thở vào ra, hoặc niệm danh hiệu một Đức Phật, một vị Bồ-tát, một câu thần chú, v.v... Rồi từ đó, chúng ta cần phải thực tập phương pháp ấy vào trong đời sống hằng ngày mỗi khi đi, đứng, nói năng hay im lặng.

Ví như khi chúng ta chọn phương pháp niệm hơi thở vào ra để tu tập, thì chánh niệm là nhớ đến hơi thở vào ra, nhờ có chánh niệm nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh định là an trụ nhất như nơi hơi thở vào ra, nhờ có chánh niệm và chánh định nơi hơi thở vào ra nên lúc ấy sẽ dẫn sinh chánh kiến là nhận biết được hơi thở vào ra, cũng như sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành và thức (năm thủ uẩn). Nhờ đó, chúng ta mới có thể điều phục, đoạn trừ sự tập khởi của sắc, thọ, tưởng, hành, thức (tức năm thủ uẩn) nên đem lại sự an lạc của thân và tâm.

Khi thực tập chánh niệm, chánh định và chánh kiến nơi hơi thở vào ra, tức đang có mặt của chánh tinh tấn và chánh tư duy. Bởi vì, ý nghĩa của chánh tinh tấn chính là phát khởi ý muốn tu tập để đoạn trừ những điều ác, tức tham, sân và si đối với năm thủ uẩn và phát triển những điều thiện, tức chánh niệm, chánh định, chánh kiến và chánh tư duy. Trong Bát chánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thuộc nhóm giới; chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định thuộc nhóm định (*Tiểu Kinh Phương Quảng, Trung Bộ I, số 44*). Cho nên, khi chúng ta an trụ trong định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nơi hơi thở vào ra nên sẽ dẫn sinh ra giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Đây chính là giới - định - tuệ hữu lậu.

Nhờ chúng ta thực tập chánh định và chánh tuệ nơi hơi thở vào ra được thuần thực nên đạt được các tầng định tâm như Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền. Sơ thiền gồm có năm chi là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Nhị thiền gồm có

ba chi là hỷ, lạc và nhất tâm. Tam thiên gồm có hai chi là lạc và nhất tâm. Tứ thiên chỉ có một chi là nhất tâm và tương ứng với xả thọ. Nghĩa là, hành giả an trụ trong định và tuệ hữu lậu tương ứng với các cõi trời thuộc về sắc giới. Như ba cõi trời thuộc Sơ thiên là Phạm chúng thiên, Phạm phụ thiên, Đại phạm thiên; ba cõi trời thuộc Nhị thiên là Thiếu quang thiên, Vô lượng quang thiên, Quang âm thiên; ba cõi trời thuộc Tam thiên là Thiếu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên; bốn cõi trời thuộc Tứ thiên là Vô văn thiên, Phúc sinh thiên, Quảng quả thiên, Vô tưởng thiên. Rồi từ đó, chúng ta an trụ trong chánh định (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và chánh tuệ (chánh kiến, chánh tư duy) như vậy nên sẽ dẫn sinh ra giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Đây cũng chính là giới - định - tuệ hữu lậu.

Bởi vì giới - định - tuệ hữu lậu không thể đoạn trừ khổ đế - tập đế để đạt được các thánh quả, nên có những vị tuy tu tập đạt được các tầng thiên định như Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên nhưng rồi sau đó vẫn dẫn đến việc phải xả giới và

từ bỏ đời sống tu tập của người xuất gia. Chính ý nghĩa này nên trong kinh Đức Phật dạy như sau:

“Này Chư Hiền, hoặc có một người vừa được Sơ thiền; được Sơ thiền rồi, người ấy liền an trú chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Người ấy, sau đó thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo”.

“Lại nữa, này Chư Hiền, hoặc có một người được Nhị thiền; được Nhị thiền rồi, người ấy liền an trú chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện, rồi thì sanh tâm tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì

thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi liền xả giới bỏ đạo.

“Này Chư Hiền, lại nữa, hoặc có một người được Tam thiên; được Tam thiên rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo”.

“Lại nữa, này Chư Hiền, hoặc có một người được Tứ thiên; được Tứ thiên rồi, người ấy liền an trụ chứ không mong cầu thêm, không mong được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục. Tâm sanh tham

dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt. Thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo”.

(Trích Trung A-hàm, kinh Chi-Ly-Di-Lê, số 82, do Hoà thượng Tuệ Sỹ dịch).

Bởi ý nghĩa đó nên trong kinh Ngũ Hạ Phần Kết, Đức Phật dạy: “Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo phan duyên vào sự yếm ly, y trên sự yếm ly, an trụ nơi yếm ly, do làm an tịnh thân ác, do tâm nhập ly định, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Sơ thiền thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó, tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thăng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

“Rồi vị ấy giác quán tịch tịnh, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Nhị thiền, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử

an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lưu tận, tất sẽ thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

“Thế nào là thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trụ với chánh niệm chánh trí, thân cảm thọ lạc, điều mà Thánh nói là được Thánh xả, với niệm an trú lạc, chứng đắc Tam thiên, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lưu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lưu tận, tất sẽ thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

“Thế nào là thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy diệt lạc, diệt khổ, ưu hỷ vốn cũng đã diệt, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lưu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lưu tận, tất sẽ thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

“Thế nào là thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu ngại tưởng, không suy niệm đến bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, chứng vô lượng không xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận tất sẽ thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

“Thế nào là thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng vô lượng thức xứ, thành tựu an trụ. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trụ nơi đó tất chứng đắc Lậu tận. Giả sử an trụ nơi đó mà không chứng đắc Lậu tận, tất sẽ thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ.

“Thế nào là thắng tiến và đạt đến Tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng vô sở hữu xứ, thành tựu an trụ. Nơi vị ấy nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, khổ, hoặc không lạc, không khổ, vị ấy quán sát cảm thọ này là

vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vị ấy sau khi như vậy quán thọ này là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian này. Sau khi không còn chấp thủ đối với thế gian này, liền không sợ hãi. Do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn. Biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

*(Trung A-hàm, kinh Ngũ Hạ Phần Kết, số 205,
do Hòa thượng Tuệ Sỹ dịch)*

Theo ý nghĩa của bản kinh nêu trên, Đức Phật dạy: khi chúng ta tu tập đạt được định tâm của Sơ thiền, Nhị thiền... thì hãy an trụ trong các định tâm ấy quán sát cảm thọ là vô thường, quán hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả để kiến đạo tức lãnh hội chánh kiến vô lậu. Từ đó, chúng ta an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập để hướng đến Tư-đà-hàm và đạt được quả Tư-đà-hàm; hướng đến A-na-hàm và đạt được quả A-na-hàm; hướng đến A-la-hán và đạt được quả A-la-hán (chúng đắc lậu tận).

Vì thế, chúng ta tu tập Bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu. Tu tập giới - định - tuệ hữu lậu nghĩa là tâm luôn an trú trong định hữu lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ hữu lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới hữu lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng).

Vì vậy, nếu y cứ vào ý nghĩa của Bát chánh đạo thì chúng ta sẽ khẳng định rằng: Chính tâm an trú trong chánh định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và chánh tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Hay nói cách khác, do chúng ta sống trong định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) nhận thức được những điều thiện (y vào các giới học) và những điều bất thiện (trái với các giới học) nên mới dẫn sinh đến việc giữ giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Như vậy, từ nơi định (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và

chánh mạng). Chứ không phải từ nơi giới (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng) để dẫn sinh ra chánh định (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và chánh tuệ (chánh kiến và chánh tư duy). Cho nên, Trong *Trung A-hàm*, kinh *Ngũ Chi Vật Chủ*, số 179, Đức Thế Tôn đã dạy: “*Này Vật chủ, thế nào gọi là giới thiện? Thân hành thiện, miệng, ý hành thiện. Đó gọi là giới thiện.*”

“Giới thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ tâm. Tâm là thế nào? Nếu tâm không có dục, không có nhuế, không có si, nên biết giới thiện phát sanh từ tâm này.”

Bởi vì giới - định - tuệ hữu lậu không thể đoạn trừ được khổ đế - tập đế để đạt được Diệt thánh đế cho nên chúng ta phải tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Chỉ có giới - định - tuệ vô lậu mới đoạn trừ được khổ đế - tập đế để đạt được tứ thánh quả. Vì vậy, trong *Trung A-hàm*, kinh *Ngũ Chi Vật Chủ*, Đức Phật dạy: “*Này Vật chủ, giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào. Nếu Đa văn Thánh đệ tử hành trì*

giới mà không dính trước nơi giới, đây là giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn.

“Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật giới thiện, biết đúng như thật giới thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật giới thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ giới thiện.

“Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật niệm thiện, biết đúng như thật niệm thiện phát sanh từ đâu, biết đúng như thật niệm thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật như vậy là Hiền thánh đệ tử đã diệt trừ niệm thiện.”

Tu tập Bát chánh đạo vô lậu

Để tu tập Bát chánh đạo vô lậu thì chúng ta phải kiến đạo tức là cần phải lãnh hội chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu. Muốn chứng nghiệm được chân lý đó, chúng ta cần phải nỗ lực tu tập để

lãnh hội, chứ không thể dừng lại ở trên mặt nhận thức, tư duy thuộc về khái niệm.

Chúng ta biết rằng, sáu căn (nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn) là gốc của sinh tử (tâm hữu lậu), nhưng cũng chính ngay nơi sáu căn để lãnh hội tâm vô lậu.

Thế nào là tâm hữu lậu (hay vọng tâm) và tâm vô lậu (hay chân tâm) ở nơi sáu căn? Khi nhãn căn của chúng ta nhìn thấy các sắc pháp như ngôi nhà, đám mây, bầu trời xanh, dòng sông, mọi người đi lại... mà trong cái thấy chỉ là cái thấy, thì đây chính là cái thấy của tâm vô lậu. Hoặc khi ta nhìn thấy các cảnh vật đó, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được vọng niệm chỉ là vọng niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi nhĩ căn của chúng ta nghe các âm thanh như tiếng chim hót, tiếng chuông ngân... mà trong cái nghe chỉ là cái nghe, thì đây chính là cái nghe của tâm vô lậu. Hoặc khi ta nghe các âm thanh đó, mà tâm hữu lậu tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi tỷ căn của chúng ta

ngửi các hương trần như trầm hương, hương của các loài hoa... mà trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, thì đây chính là cái ngửi của tâm vô lậu. Hoặc khi ta ngửi các mùi hương đó, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được vọng niệm chỉ là vọng niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi thiết căn của chúng ta tiếp xúc với các vị trần như chua, cay, mặn, đắng... mà trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, thì đây chính là cái nếm vị của tâm vô lậu. Hoặc khi chúng ta nếm các vị trần đó, mà tâm hữu lậu tập khởi phân biệt, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi thân căn của chúng ta tiếp xúc với các xúc trần như trơn, nhám, cứng, mềm, lạnh, nóng... mà trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, thì đây chính là cái xúc chạm của tâm vô lậu. Hoặc khi ta xúc chạm các xúc trần ấy, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được tạp niệm chỉ là tạp niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Hoặc khi chúng ta nhắm mắt lại, tâm hữu lậu tập khởi suy tư, phân biệt, nhớ nghĩ về các đối tượng như sắc, thanh, hương, vị và xúc, thì tâm nhận biết được

tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu.

Nghĩa của kiến đạo tuy chỉ có một nghĩa nhưng tùy theo mỗi bản kinh, mỗi bản luận mà có sự quy ước tên gọi khác nhau. Ví như trong giáo lý Tứ thánh để gọi là *kiến đế*. Trong pháp mười hai nhân duyên gọi là *minh*. Kinh vô tri gọi là *như thật tri*. Kinh vô minh gọi là *minh*. Trong kinh Bāhiya gọi là *trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái nghĩ chỉ là cái nghĩ, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết*. Trong kinh Lăng Nghiêm gọi là *tánh thấy, tánh nghe, tánh nghĩ, tánh vị, tánh xúc và tánh biết*. Trong Bát-nhã tâm kinh và kinh Kim Cang gọi là *trí vô lậu* (Bát-nhã). Theo Luận Thành Duy Thức gọi là *trí vô phân biệt*.

Tiếp theo ý nghĩa trên, trong Trung A-hàm, kinh số 30, Đức Phật dạy: “Ai thấy được duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy được pháp, người ấy thấy được duyên khởi”. Ý nghĩa của “thấy được pháp” ở đây là chỉ cho kiến đạo.

Nghĩa của kiến đạo cũng được mô tả qua các bài kệ truyền pháp của các Tổ sư như sau:

Tổ Bà-Tu-Bàn-Đầu truyền lại cho tổ Ma-Noa-La:

*Tâm theo muôn cảnh chuyển,
Chỗ chuyển thật kín sâu,
Theo dòng nhận được tánh,
Không mừng cũng không lo.*

(Hoà thượng Thích Thanh Từ dịch)

Tổ Sư-Tử truyền lại cho tổ Bà-Xá-Tử-Đa:

*Thánh nhân nói tri kiến,
Ngay cảnh không phải quấy,
Nay ta ngộ tánh ấy,
Không đạo cũng không lý.*

(Hoà thượng Thích Thanh Từ dịch)

Nghĩa của kiến đạo cũng được diễn tả thông qua các công án của các bậc Thánh nhân như sau:

Ngài Triệu Châu bèn chỉ lửa hỏi vị thị giả rằng:

- Này con! Đây là lửa nhưng con không được gọi là lửa, Thầy đã dạy cho con xong rồi vậy.

Vị thị giả không hiểu được.

Ngài Triệu Châu đến gặp lửa lên liền hỏi:

- Con có hội chăng?

Vị thị giả thưa:

- Dạ, con chẳng lãnh hội.

Hoà thượng Thường Quán hỏi một vị Thầy:

- Thầy từ đâu đến?

Vị Thầy thưa:

- Con từ trang trại đến.

Hoà thượng hỏi:

- Thầy có thấy trâu không?

Vị Thầy thưa:

- Bạch hoà thượng con có thấy.

Hoà thượng hỏi:

- Con thấy sừng bên trái hay sừng bên phải?

Vị Thầy không đáp được. Hoà thượng Thường Quán liền nói:

Này con! Cái thấy không phải trái.

Khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu thì sẽ bắt đầu tu tập Bát chánh đạo vô lậu. Chánh tâm vô lậu (hay chân tâm) là định - tuệ đồng thời. Tâm này thường rỗng lặng gọi là định, ở trong tâm ấy có trí tuệ nhận biết được tâm thường rỗng lặng, cũng như các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, v.v... gọi là tuệ. Trong Bát chánh đạo: chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc nhóm giới (thiện); chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định. Vì thế, khi các bậc thánh giả an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến và chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Do đó, các bậc thánh giả tu tập Bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Tu tập giới - định - tuệ vô lậu nghĩa là các Ngài sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Tuy vậy, các bậc Thánh giả thuộc hàng Hữu học

(Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các Ngài vẫn chưa sống được hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Chỉ có những bậc thánh Vô học (A-la-hán) đã đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các Ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng).

Tu tập Bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới - định - tuệ vô lậu

Các bậc thánh nhân an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến và chánh tư duy) nên dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Tuy vậy, các bậc Thánh giả thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng)

nên các Ngài vẫn chưa sống được hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Chỉ có những bậc thánh Vô học (A-la-hán) đã đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các Ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Cho nên, trong *Trung A-hàm*, kinh *Thánh Đạo*, số 189, Đức Phật dạy: “*Bậc Thánh Hữu học thành tựu tám chi phần Bát chánh đạo; còn bậc Thánh Vô học thành tựu mười chi, thêm hai chi nữa là chánh giải thoát và chánh trí.*”

Với ý nghĩa đó nên chúng ta hiểu rằng tâm vô lậu của bậc thánh A-la-hán không chỉ thành tựu mười chi vô lậu mà còn thành tựu lục độ ba-la-mật, hoặc thập độ ba-la-mật. Cho nên, trong *Tăng Nhất A-hàm*: “*Tôn giả Ca-diếp hỏi Tôn giả*

A-nan: Trong bài kệ nào mà xuất sinh 37 phẩm và các pháp?

Bấy giờ Tôn giả A-nan liền nói bài kệ:

Chớ làm các điều ác,

Vâng làm các điều thiện.

Tự thanh tịnh tâm ý,

Là lời Chư Phật dạy.

Thế nào, A-nan? Chỉ có Tăng Nhất A-hàm mới xuất sinh 37 phẩm và các pháp, hay là 4 bộ A-hàm khác cũng xuất sinh?

Tôn giả A-nan đáp: Trong bài kệ này đã thấu tóm đầy đủ giáo nghĩa của Chư Phật, Thanh Văn, Bích Chi Phật và giáo nghĩa của 4 bộ A-hàm” (Kinh Tăng Nhất A-hàm, phẩm Tựa, Hòa Thượng Tuệ Sỹ dịch).

Tu tập Bát chánh đạo vô lậu liên hệ với sự thành tựu tứ thánh quả

Thánh quả Tu-đà-hoàn (Thất lai)

Nghĩa của kiến đạo tuy chỉ có một nghĩa nhưng tùy theo mỗi bản kinh, mỗi bản luận để có sự quy

ước tên gọi khác nhau. Ví như trong giáo lý Tú thánh để gọi là *kiến đạo tức lãnh hội chánh kiến vô lậu*. Trong pháp mười hai nhân duyên gọi là *minh*. Trong kinh vô tri gọi là *như thật tri*. Trong kinh Vô minh gọi là *minh*. Trong kinh Bāhiya gọi là *trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết*. Trong kinh Lăng Nghiêm gọi là *tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh vị, tánh xúc và tánh biết*. Trong Bát-nhã tâm kinh và kinh Kim Cang gọi là *trí vô lậu* (Bát-nhã). Theo Luận Thành Duy Thức gọi là *trí vô phân biệt*.

Khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu thì đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi nên thành tựu bậc thánh Tu-đà-hoàn, gọi là Thất lai.

- Thân kiến là gì? Đó là cho rằng sắc, thọ, tưởng, hành và thức là tự ngã và tự ngã chính là sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Trong *Tạp A-hàm*, Kinh *Lê-Tê-Đạt-Đa*, số 570, Tôn giả Lê-Tê-Đạt-Đa dạy:

“Thế nào là thân kiến?”

“Phàm phu ngu si không học thấy sắc là ngã, sắc khác ngã, ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thức khác ngã, thức ở trong ngã, ngã ở trong thức. Nay Trưởng giả, đó gọi là thân kiến.”

“Làm thế nào để không có thân kiến này?”

“Đa văn Thánh đệ tử chẳng thấy sắc là ngã, chẳng thấy sắc khác ngã, chẳng thấy sắc trong ngã, ngã trong sắc; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, chẳng thấy thức khác ngã, chẳng thấy thức trong ngã, ngã trong thức; đó gọi là không có thân kiến.”

Cũng vậy, Đức Phật dạy: “Có năm thọ ấm. Đó là, sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Nay Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương có ngã, tất cả y trên năm thọ ấm này mà chủ trương có ngã. Những gì là năm? Các Sa-môn, Bà-la-môn, ở nơi sắc thấy là ngã, khác ngã, hay ở

trong nhau. Cũng vậy, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau.” (Tập A-hàm, kinh Phân biệt, số 54)

- Giới cấm thủ là gì? Đó là không phải nhân mà thấy là nhân; không phải đạo mà thấy là đạo. Đây gọi là giới cấm thủ. Ví như Đại Tự Tại Thiên, Sinh Chủ không phải là nhân của thế giới mà cho đó là nhân. Hoặc những hành vi như nhảy vào lửa, nhảy xuống sông... không phải là nguyên nhân để sinh thiên, mà cho đó là nguyên nhân để sinh thiên. Hoặc cho rằng phải khổ hạnh, ép xác hành hạ thân thể để đền bù tội lỗi trong quá khứ và sau khi chết sẽ thọ quả báo ở chư thiên... Đó gọi là giới cấm thủ.

- Nghi là gì? Đó là nghi Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới. Nhiều kinh chỉ ghi gọn là nghi Tứ thánh đế.

Vì sao bậc thánh Sơ quả đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ và nghi? Bởi vì bậc thánh Sơ quả an trú trong chánh kiến vô lậu nhận biết được như thật sự tập khởi của năm thủ uẩn là pháp duyên sinh, vô thường, khổ và vô ngã nên đoạn trừ được

thân kiến. Nhờ đó, bậc thánh Tu-đà-hoàn nhận biết được như thật khổ đế - tập đế cần phải đoạn, diệt đế cần phải chứng và đạo đế cần phải tu tập nên đoạn trừ được Giới cấm thủ. Chính vì, chánh kiến vô lậu nhận biết được sự tập khởi của năm thủ uẩn thì đây là nhận biết được như thật khổ đế và tập đế. Còn tâm nhận biết được như thật về khổ đế và tập đế thì đây chính là chánh kiến vô lậu tức đạo đế vô lậu. Nghĩa là, bậc thánh Tu-đà-hoàn đã nhận biết như thật khổ đế - tập đế và chứng nghiệm đạo đế vô lậu tu tập để đạt Diệt đế nên đoạn trừ được tâm nghi về giáo pháp Tứ thánh đế. Bởi vì không còn nghi về giáo pháp Tứ thánh đế nên bậc thánh Tu-đà-hoàn (Sơ quả) sẽ không còn nghi Phật, nghi Tăng và nghi Thánh giới. Cho nên, Đức Phật dạy: *“Nếu đa văn Thánh đệ tử ở nơi sáu kiến xứ này mà quán sát chẳng phải là ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát được như vậy rồi, thì dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Phật, dứt hết mọi sự hồ nghi đối với Pháp và đối với Tăng, Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Đó gọi là, Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không còn trở lại tạo nghiệp thân, miệng, ý để đưa đến ba đường ác; giả sử có buông lung, Thánh đệ*

tử cũng nhất định hướng đến giác ngộ, bảy lần qua lại trời người, rồi cứu cánh biên tế khổ.” (Trích Tập A-hàm, kinh Hồ nghi đoạn, số 137)

Bậc thánh Tu-đà-hoàn chỉ còn lại với thời gian tối đa bảy lần qua lại giữa các cõi trời và cõi người (trong Dục giới) tu tập để thành tựu quả vị A-la-hán. Vì thế, Đức Phật dạy: *“Ta chưa từng thấy một người đệ tử của ta kiến đế mà phải trải qua đến đời thứ tám”*. Như trong Trung A-hàm, kinh Thủy Dụ, Đức Phật dạy: *“Ba kết đã dứt sạch liền chứng Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, quyết định thẳng đến chánh giác, đời sau thọ sanh tối đa bảy lần, qua lại bảy lần trong nhân gian, thiên thượng; rồi chứng đắc biên tế của sự khổ.”*

Theo Luận Câu Xá, trang 392, do Hòa Thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, Luận giải thích về ý nghĩa “Thất lai” của bậc thánh Sơ quả (Tu-đà-hoàn) như sau: *“Ở đây chứng cứ nào nói mỗi thứ bảy lần chứ không phải bảy lần trong cả hai. Trong khi kinh được đọc như vậy: “Bảy lần chư thiên và loài người”*.

Các vị Âm quang bộ (tức Luận chủ đã dẫn Âm quang bộ) cũng đọc *“bảy lần chư thiên và loài người”*

như là “mỗi thú” riêng biệt”. Ở đây không nên cố chấp.

Vị đắc quả dự lưu giữa loài người sẽ trở lại đây mà nhập Niết-bàn. Nếu đắc quả giữa chư thiên, cũng sẽ trở lại nơi ấy.”

Trong Tạp A-hàm, kinh số 398 - 399 - 401, Đức Phật dạy:

“Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Như một cục bông gòn nhỏ, hay cục bông kiếp-bối, đặt ở ngã tư đường, khi bốn phương gió thổi, thì tùy theo chiều gió mà bông bay về một hướng. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật Khổ Thánh đế; không biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, thì nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này thường hay nhìn mặt người và thường hay nói theo người. Vì không biết như thật, nên nghe người khác nói, hướng theo lời nói đó mà thọ nhận, nên biết người này đời trước không tu tập trí tuệ.

Giống như cây trụ nhân-đà-la dùng đồng, thiếc làm nên, rồi đem cắm sâu xuống đất, dù bốn phương gió mạnh cũng không thể làm lay động. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, nên biết Sa-môn, Bà-la-môn này không xem mặt người, không nói theo người; vì Sa-môn, Bà-la-môn này là người có trí tuệ vững chắc. Vì người này trước kia đã tùy tu tập nên không theo lời nói của người. Cho nên các Tỳ-kheo đối với Tứ Thánh Đế phải siêng năng tìm phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.” (Kinh Nhân-đà-la-trụ, số 398)

“Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Giống như trụ đá dài mười sáu khuỷu tay, được cắm sâu xuống đất tám khuỷu tay, dù bốn phương có gió thổi cũng không thể làm lay động. Cũng vậy,

nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật Khổ Thánh đế; biết như thật Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, Sa-môn, Bà-la-môn này có đến các chỗ luận nghị mà không thể bị khuất phục, tâm người này giải thoát, tuệ giải thoát, có thể khiến cho Sa-môn, Bà-la-môn khác ngược lại sanh ra lo khổ. Biết như thật, thấy như thật như vậy đều là do tập hành của đời trước nên khiến trí tuệ không thể khuynh động. Cho nên, Tỳ-kheo, đối với Tứ Thánh Đế phải siêng năng tìm phương tiện, khởi ý muốn tăng thượng, tinh tấn tu học.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. (Kinh Luận Xứ, số 399)

“Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật trú trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Giống như có người sống lâu trăm tuổi, có người nói với người ấy rằng: ‘Ông nếu muốn nghe pháp thì mỗi ngày ba thời phải chịu khổ: Sáng sớm chịu khổ của trăm mũi thương đâm vào; trưa, chiều lại

cũng như vậy. Trong một ngày, chịu khổ ba trăm mũi thương đâm; như vậy ngày nào cũng tiếp tục cho đến trăm năm rồi sau đó nghe pháp, được hiện quán. Ông có thể chịu như vậy được không?’ Bấy giờ, người này vì muốn nghe pháp nên có thể chịu đựng tất cả. Vì sao? Vì con người sanh ra ở thế gian luôn luôn chịu khổ ở trong ba đường ác, khi thì địa ngục, khi thì súc sanh, khi thì ngạ quỷ, mà không cảm nhận các thứ khổ, cũng không nghe pháp. Cho nên nay vì muốn được hiện quán, nên chẳng cho rằng cái khổ ba trăm mũi thương đâm vào người trọn đời là cái khổ lớn. Thế nên các Tỳ-kheo nếu đối với Tứ Thánh Đế mà chưa được hiện quán, thì phải siêng năng tìm phương tiện, phát khởi ý muốn tăng thượng, tu học hiện quán.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.” (Kinh Bách Thương, số 401)

Trong Tạp A-hàm, kinh Xá-Lợi-Phất, số 844, Ngài Xá-Lợi-Phất đã trả lời Đức Thế Tôn như sau:

“Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ,

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: “Bảo là dòng; thế nào là dòng?”

Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, nói là dòng, đó là nói tám Thánh đạo”.

Lại hỏi Xá-lợi-phất: “Gọi là Nhập lưu phần, vậy thế nào là Nhập lưu phần?”

Xá-lợi-phất bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, có bốn thứ Nhập lưu phần. Những gì là bốn? Thân cận thiện nam tử, nghe Chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất: “Người Nhập lưu phải thành tựu bao nhiêu pháp?”

Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: “Có bốn phần để người Nhập lưu thành tựu. Những gì là bốn? Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới”.

Phật bảo Xá-lợi-phất: “Như những gì ông đã nói, dòng tức là tám Thánh đạo. Nhập lưu phần có bốn pháp là thân cận thiện nam tử, nghe chánh pháp, bên trong tư duy chân chánh, hướng đến pháp và thứ pháp. Người Nhập lưu thành tựu

bốn pháp, là bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng, thành tựu Thánh giới”.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.”

Thánh quả Tư-đà-hàm (Nhất lai)

Bậc thánh Tu-đà-hoàn tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập làm giảm hay mỏng tham, sân và si câu sinh đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn nên thành tựu quả vị Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai. Nghĩa là, khi bậc thánh xả bỏ báo thân ở nơi nhân gian này thì sẽ sinh lên nơi các cõi trời thuộc Dục giới. Sau khi xả bỏ báo thân ở nơi các cõi trời đó, Ngài sẽ sinh lại trong nhân gian để tiếp tục nỗ lực tu tập cho đến khi thành tựu quả vị A-la-hán.

Theo *Luận Câu Xá*, trang 399, do Hòa Thượng Tuệ Sỹ dịch và chú, Luận giải thích về ý nghĩa “Nhất lai” của bậc thánh Nhị quả (Tư-đà-hàm) như sau: “Đây là đắc quả thứ hai, gọi là quả nhất lai, vì sau khi sinh lên chư thiên, rồi sinh trở lại nhân gian một lần duy nhất, sau đó không còn đời nào nữa. Kinh nói là làm mỏng tham, sân và si”.

Trong Trung A-hàm, kinh Thủy Dụ (1), Đức Phật dạy về bậc thánh Tư-đà-hàm như sau:

“Thế nào là người ra rồi trụ; trụ rồi nhìn quanh; nhìn quanh rồi lợi qua. Đó là người trời được tín tâm nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người đó về sau tín tâm vẫn chắc chắn không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều đã kiên cố không mất, trú trong thiện pháp. Biết như thật về Khổ, về Khổ tập, về Khổ diệt, về Khổ diệt đạo. Biết như vậy, thấy như vậy, ba kết liền dứt sạch. Đó là, thân kiến, giới thủ, nghi; ba kết đã dứt sạch. Dâm, nộ, si với mỏng. Còn phải một lần vãng lai trong nhân gian, thiên thượng. Sau khi qua lại một lần đó rồi liền diệt tận biên tế khổ. Đó là người ngoi lên rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi lợi qua. Như người chìm trong nước, ngoi rồi trụ, trụ rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là hạng người thứ năm của ví dụ về nước. Thế gian quả thực có hạng người như vậy”.

Thánh quả A-na-hàm (Bất lai)

Bậc thánh Tư-đà-hàm tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập đoạn trừ được năm hạ

phần kết sử câu sinh đối với năm thủ uẩn (thân kiến, giới cấm thủ, nghi và tham, sân trong Dục giới) nên thành tựu bậc thánh A-na-hàm, gọi là Bất lai. Nghĩa là, khi bậc thánh xả bỏ báo thân ở nơi nhân gian này thì sẽ sinh lên các cõi trời thuộc Sắc giới như: Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Hiện Thiên, Thiện Kiến Thiên và Sắc Cứu Cánh Thiên (thuộc tầng thiền thứ tư trong sắc giới). Ở nơi các cõi trời đó, các Ngài tiếp tục tu tập để đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên thành tựu bậc thánh A-la-hán.

Với ý nghĩa đó nên chúng ta hiểu rằng, bậc thánh A-na-hàm sẽ đạt được định tâm thuộc tứ thiền vô lậu, chứ không phải định hữu lậu.

Bậc thánh Tu-đà-hoàn đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi thuộc phân biệt ngã chấp. Còn bậc thánh A-na-hàm đoạn trừ thân kiến, giới cấm thủ và nghi thuộc câu sinh ngã chấp. Trong giai đoạn tu đạo của các bậc thánh giả: bậc thánh Tu-đà-hoàn an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị Tư-đà-hàm, rồi thành tựu quả vị Tư-đà-hàm;

bậc thánh Tu-đà-hàm an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị A-na-hàm, rồi thành tựu quả vị A-na-hàm; bậc thánh A-na-hàm an trụ trong tâm vô lậu tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn để hướng đến quả vị A-la-hán; trong các tiến trình ấy, các Ngài chỉ đoạn trừ được phần nào chứ chưa đoạn trừ được hoàn toàn ngã chấp câu sinh. Cho đến quả vị A-la-hán thì các Ngài mới đoạn trừ hoàn toàn loại ngã chấp câu sinh này.

Mặt khác, loại ngã chấp câu sinh này luôn cùng tồn tại với chúng ta tức vốn sẵn có, mà không cần phải chịu ảnh hưởng sự huân tập của Ngoại Giáo. Cho nên, trong kinh *Ngũ Hạ Phần Kết*, Đức Phật dạy: *“Này Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngủ, trong ý còn không có ý tưởng về dục tưởng, há lại có quán chặt nơi dục chăng? Nhưng kết sử nằm trong bản tính của chúng nên nói là dục tùy miên. Này Man Đồng tử, con nít mới sanh, mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về chúng sanh còn không có, há lại có tâm bị quán chặt nơi sân nhuế chăng? Nhưng do kết sử nằm trong bản tính*

của nó, nên nói là nhuế tùy miên. Nay Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về tự thân còn không có, há lại có quán chặt nơi thân chẳng? Nhưng do kết sử ở nơi bản tính của nó nói là thân kiến tùy miên. Nay Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về giới còn không có, há lại có tâm quán chặt nơi giới chẳng? Nhưng do kết sử nơi bản tính của nó nên nói là giới thủ tùy miên. Nay Man Đồng tử, con nít mới sanh mềm yếu, ý tưởng về pháp còn không có, há lại có tâm quán chặt nơi pháp chẳng? Nhưng do kết sử nơi bản tính của nó nên nói là nghi tùy miên”. (Trung A-hàm, kinh Ngũ Hạ Phần Kết, số 205, do Hòa Thượng Tuệ Sỹ dịch).

Trong Trung A-hàm, kinh Thiện Nhân Vãng, số 6, Đức Phật dạy có bảy bậc thánh tam quả:

“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng thế, chút ít mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chúng Trung Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc thiện nhân thứ nhất, thế gian quả thực có người như vậy.”

“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy; còn chút mạn chưa trừ hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ hai, thế gian quả thực có người như vậy.”

“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ ba, thế gian quả thực có người như vậy.”

“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Sanh Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ tư, thế gian quả thực có người như vậy.”

“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Hành Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ năm, thế gian quả thực có người như vậy.”

“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết

đã đoạn hết, chứng Vô hành Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ sáu, thế gian quả thực có người như vậy.”

“Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng giống như thế, còn chút mạn chưa đoạn hết, nhưng năm hạ phần kết đã đoạn hết, chứng Thượng lưu A-ca-nị-trá Niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc thiện nhân thứ bảy, thế gian quả thực có người như vậy.”

Thánh quả A-la-hán (Vô học)

Bậc thánh A-na-hàm tiếp tục an trụ trong chánh kiến vô lậu tu tập để đoạn tận khổ đế - tập đế nên đạt được Niết-bàn, tức thành tựu quả vị A-la-hán.

Các bậc thánh như Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm chưa đoạn tận chấp ngã (phiền não chướng) nên thuộc hàng Hữu học. Còn bậc thánh A-la-hán đã đoạn tận chấp ngã (phiền não chướng) nên thuộc hàng Vô học. Với sự thành tựu đó nên các Ngài xứng đáng cho Chư thiên, loài người đánh lễ và cúng dường.

Bởi vì, các bậc thánh Hữu học chưa thành tựu được Tam minh. Những bậc thánh Vô học mới thành tựu được Tam minh. Cho nên, trong *Tạp A-hàm*, kinh *Vô Học Tam Minh*, số 871, Đức Phật dạy: “Bậc Vô học có Ba minh. Những gì là ba? Túc mạng trí chứng thông của bậc Vô học, Sanh tử trí chứng thông của bậc Vô học, Lậu tận trí chứng thông của bậc Vô học.

“Thế nào là Túc mạng chứng trí thông của bậc Vô học? Thánh đệ tử biết tất cả sự từ những đời trước. Từ một đời đến trăm, ngàn, vạn, ức đời; cho đến số kiếp thành hoại rằng: ‘Các đời sống trước của ta và chúng sanh, có những tên như vậy, sanh ra như vậy, dòng họ như vậy, ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ dài như vậy, sống lâu như vậy, chịu giới hạn như vậy. Ta và chúng sanh chết ở chỗ này, sanh ra chỗ khác; chết chỗ khác sanh ra chỗ này, có hành như vậy, nhân như vậy, tín như vậy.’ Tất cả các việc đã trải qua trong đời sống trước đều biết rõ ràng. Đó gọi là Trí túc mạng chứng minh.

“Thế nào là Sanh tử trí chứng minh? Thánh đệ tử, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt qua đối với

mắt người, thấy các chúng sanh lúc chết, lúc sanh, đẹp, xấu, thượng sắc, hạ sắc, theo nghiệp mà thọ sanh vào đường ác. Biết như thật rằng như chúng sanh này thành tựu thân ác hành, thành tựu miệng, ý ác hành, hủy báng Thánh nhân, tà kiến, nhận lãnh tà pháp; do nhân duyên này sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường ác địa ngục. Chúng sanh này do thành tựu thân thiện hành, thành tựu miệng, ý thiện hành, không hủy báng Thánh nhân, đã thành tựu chánh kiến, nên sau khi thân hoại mạng chung sanh vào trong đường Trời, Người. Đó gọi là Trí sanh tử chứng minh.

“Thế nào là Lậu tận trí chứng minh? Thánh đệ tử biết như thật, ‘Đây là Khổ’, ‘Đây là Khổ tập’, ‘Đây là Khổ diệt’, ‘Đây là Khổ diệt đạo.’ Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát Dục hữu lậu, tâm giải thoát Hữu hữu lậu, tâm giải thoát Vô minh lậu, với giải thoát tri kiến, biết rằng, ‘Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Đó gọi là Lậu tận chứng trí minh.”

Trong kinh *Tạp A-hàm*, kinh *Sa-môn Pháp Sa-môn Quả*, số 765, Đức Phật dạy pháp và quả của Sa-môn:

“Những gì là pháp Sa-môn? Đó là tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định. Những gì là quả Sa-môn? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán.

Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kết. Thế nào là quả Tu-đà-hàm? Đoạn trừ ba kết; tham, nhuế, si còn mỏng. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn sạch hết năm hạ phần kết. Thế nào là quả A-la-hán? Đoạn trừ vĩnh viễn tham, nhuế, si; đoạn trừ vĩnh viễn tất cả các thứ phiền não.”

2



MỘT SỐ ĐOẠN VĂN KINH TRỌNG YẾU TRONG KINH LĂNG NGHIÊM

Tôi đọc Kinh *Lăng Nghiêm*, nhận thấy có nhiều đoạn văn kinh Đức Phật đã chỉ dạy đâu là mê và giác, vọng tâm và chân tâm... rất rõ ràng và dễ thực tập để lãnh hội qua sáu căn. Chính vì thế, tôi xin trích lại những đoạn văn kinh tinh yếu và viết vài lời giải thích để hầu mong chia sẻ với những người hữu duyên cùng có tâm thao thức tu học, hành trì những lời Phật dạy. Nếu chúng ta đọc lại những đoạn kinh văn này, có cơ hội đem ý nghĩa của kinh để tư duy, chiêm nghiệm và áp dụng vào trong đời sống hàng ngày, đến khi nhân duyên đầy đủ, chúng ta sẽ nhận được giá trị chân thật mà lâu nay vẫn tìm kiếm. Chân lý bất diệt mà ta vừa nhận lại vốn sẵn có nơi mỗi chúng sinh. Bằng tấm lòng

bi mẫn của mình, Đức Phật và chư hiền thánh đã thi thiết nhiều phương tiện giúp chúng ta tu tập để nhận lại bản tâm chân thật này. Nếu không có tâm chân thật bất diệt, làm sao chúng ta tu tập để đoạn trừ được tâm hư vọng khổ đau? Mỗi chúng sinh hữu tình đều có vọng tâm và chân tâm, nhưng nếu chưa nhận được chân tâm, chúng ta sẽ sống với vọng tâm. Vì sống với vọng tâm nên ta không có được an lạc, hạnh phúc chân thật. Ai trong chúng ta cũng đều muốn vượt thoát khổ đau để đạt được an lạc, hạnh phúc chân thật cho hiện tại và tương lai.

Những đoạn Kinh *Lăng Nghiêm* này được Đức Phật triển khai, chỉ dạy tuần tự để thấy vọng tâm ngay khi sáu căn tiếp xúc sáu trần mà nhận lại chân tâm. Bởi chúng ta đã bỏ mất chân tâm nên mới làm người cùng tử lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các giới loại. Nỗi khổ đau sinh tử ấy thật triền miên, cay đắng mà không thể diễn tả hết bằng văn tự. Chúng ta khổ đau như vậy đã quá đủ rồi! Chúng ta cần tu tập để đoạn tận sinh tử,

và những tinh túy trong các đoạn văn kinh này sẽ giúp chúng ta thành tựu được nguyện vọng ấy.

Thuật lại nghĩa khách trần

Như Lai hỏi nhân đâu được ngộ

“Khi ấy, Đức Thế Tôn duỗi cánh tay Đẩu-la-miên sáng ngời xòe năm ngón tay, bảo ông A-nan và cả đại chúng rằng: “Khi tôi mới thành đạo ở trong Lộc Viên vì ông A-nhã-đa, năm vị Tỳ-kheo v.v... và bốn chúng nói: Tất cả chúng sinh chẳng thành Bồ-đề và A-la-hán đều do nhận khách trần phiền não làm tâm. Các ông khi ấy nhân đâu được ngộ, nay thành tựu chúng quả Thánh?”

Giải thích

Sau khi Đức Phật thành đạo, bài thuyết pháp đầu tiên mà Đức Phật dạy cho năm anh em Ngài Kiều Trần Như là giáo pháp Tứ thánh đế. Bấy giờ Đức Phật dạy: *“Tất cả chúng sinh chẳng thành Bồ-đề và A-la-hán đều do nhận khách trần phiền não làm tâm”*. Khách trần phiền não làm tâm ở đây là chỉ cho tâm hữu lậu. Tâm hữu lậu chính là sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế). Vì vậy,

chúng ta đã sống với tâm hữu lậu và cho đây là tâm chân thật. Chính vì thế, chúng ta mới không thành tựu được Tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Đức Phật dạy tiếp rằng: *“Các Thầy khi ấy nhân đâu được ngộ, nay thành đạo quả A-la-hán?”*. Ở đây, Đức Thế Tôn muốn hỏi các Tỳ-kheo về nhân duyên ngộ đạo, để từ đó tu hành mà thành tựu đạo quả A-la-hán. Bởi nếu chúng ta y nơi nhân sinh diệt mà tu hành thì chỉ dẫn đến quả sinh diệt; còn nếu y vào nhân không sinh diệt để tu hành thì mới đưa đến quả không sinh diệt. Không thể nào từ nhân sinh diệt mà lại có thể dẫn đến quả không sinh diệt, và ngược lại. Cũng vậy, nhân hữu lậu không thể nào dẫn sinh quả vô lậu và nhân vô lậu không thể nào dẫn sinh quả hữu lậu. Cho nên, nhân như thế nào sẽ dẫn đến quả tương ứng thế ấy.

Thuật lại nghĩa khách

Khi ấy ông Kiều Trần Như đứng dậy, bạch Phật: “Nay con là hàng trưởng lão, đối với trong đại chúng riêng được tên là Hiếu (giải) do con ngộ hai chữ

“khách trần” mà được thành Thánh quả. Bạch Đức Thế Tôn, ví như người khách đi đường, vào nghỉ nhờ một quán trọ, hoặc ngủ, hoặc ăn. Ăn ngủ xong, sửa sang hành lý lên đường, chẳng ở lại nữa. Nếu thật là người chủ thì tự không đi đâu. Như thế mà suy xét, chẳng dừng trụ gọi là khách, dừng trụ là chủ. Do cái chẳng dừng trụ nên có nghĩa là “khách”.

Giải thích

Ngài Kiều Trần Như do ngộ (kiến đạo) được hai chữ “khách trần”, và y vào nhân này để tu tập nên đã chứng quả vị A-la-hán. Cho nên, Ngài Kiều Trần Như dạy: “Chẳng dừng trụ gọi là “khách”, dừng trụ là “chủ”. Do cái chẳng dừng trụ nên có nghĩa là “khách”.”

Chúng ta tu tập chính là muốn chấm dứt hoàn toàn khổ đau. Để làm được điều đó, chúng ta cần tu tập tất cả thiện pháp, rồi sau đó phải phân minh cho được đâu là tâm chủ và đâu là tâm khách. Bởi vì tâm chủ chưa từng rời tâm khách cho nên chúng ta phải ở nơi tâm khách để lãnh hội được tâm chủ. Chính khi nhận được và an trú nơi tâm chủ không sinh diệt này (nhân vô lậu) để nỗ lực

tu hành thì tâm khách (vô minh) được đoạn trừ. Khi tâm khách đã được đoạn trừ hoàn toàn thì ta sống được với tâm chủ thường trụ không sinh diệt (minh). Nhờ an trú trong tâm chủ nên ta mới có được an lạc thực sự. Vậy làm sao chúng ta có thể nhận được tâm chủ không sinh diệt đó?

Chúng ta biết rằng, sáu căn (nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn) là gốc của sinh tử (tâm hữu lậu), nhưng cũng chính ngay nơi sáu căn để lãnh hội tâm vô lậu.

Thế nào là tâm hữu lậu và tâm vô lậu ở nơi sáu căn? Khi nhãn căn của chúng ta nhìn thấy các sắc pháp như ngôi nhà, đám mây, bầu trời xanh, dòng sông, mọi người đi lại... mà trong cái thấy chỉ là cái thấy, thì đây chính là cái thấy của tâm vô lậu. Hoặc khi ta nhìn thấy các cảnh vật đó, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được vọng niệm chỉ là vọng niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi nhĩ căn của chúng ta nghe các âm thanh như tiếng chim hót, tiếng chuông ngân... mà trong cái nghe chỉ là cái nghe, thì đây chính là cái nghe của tâm vô lậu. Hoặc khi

ta nghe các âm thanh đó, mà tâm hữu lậu tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi tỷ căn của chúng ta ngửi các hương trần như trầm hương, hương của các loài hoa... mà trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, thì đây chính là cái ngửi của tâm vô lậu. Hoặc khi ta ngửi các mùi hương đó, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được vọng niệm chỉ là vọng niệm, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi thiết căn của chúng ta tiếp xúc với các vị trần như chua, cay, mặn, đắng... mà trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, thì đây chính là cái nếm vị của tâm vô lậu. Hoặc khi chúng ta nếm các vị trần đó, mà tâm hữu lậu tập khởi phân biệt, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu. Khi thân căn của chúng ta tiếp xúc với các xúc trần như trơn, nhám, cứng, mềm, lạnh, nóng... mà trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, thì đây chính là cái xúc chạm của tâm vô lậu. Hoặc khi ta xúc chạm các xúc trần ấy, mà vọng niệm tập khởi sự phân biệt, thì tâm nhận biết được tập niệm chỉ là tập niệm, tâm nhận biết này

chính là tâm vô lậu. Hoặc khi chúng ta nhắm mắt lại, tâm hữu lậu tập khởi suy tư, phân biệt, nhớ nghĩ về các đối tượng như sắc, thanh, hương, vị và xúc, thì tâm nhận biết được tâm hữu lậu chỉ là tâm hữu lậu, tâm nhận biết này chính là tâm vô lậu.

Hoặc khi sáu căn vin với sáu trần dẫn sinh sáu thức; ba yếu tố căn, trần và thức hòa hợp dẫn sinh ra xúc; xúc làm nhân duyên dẫn sinh thọ, tưởng và tư (hành), tức là sự tập khởi của năm thủ uẩn. Chính tâm nhận biết được như thật sự tập khởi của năm thủ uẩn thì tâm này chính là tâm chủ (trí vô lậu). Vì thế, sự tập khởi của năm thủ uẩn là tâm khách. Còn trí nhận biết được như thật sự tập khởi của năm thủ uẩn thì tâm này chính là tâm chủ (trí vô lậu).

Thuật lại nghĩa trần

Lại như mưa mới tạnh, mặt trời lên trong trẻo, ánh sáng soi vào kẽ hở, trong hư không hiện rõ các tướng bụi bặm. Tính chất của bụi thì diêu động, còn hư không thường lặng lẽ. Như thế, nên con suy nghĩ:

*Lẳng lẳng gọi là hư không, điều động gọi là bụi bặm.
Do cái điều động đó nên có nghĩa là “trần”.*

Phật nói: “Đúng thế!”

Giải thích

Theo ý kiến của người viết, nội dung của chữ “khách” ở trong đoạn văn kinh trên là để chỉ cho sự tập khởi của năm thủ uẩn ở dạng thô. Còn ý nghĩa của chữ “trần” là chỉ cho sự tập khởi của năm thủ uẩn ở dạng tế. Đây chính là tiến trình tu tập đoạn trừ sự tập khởi của năm thủ uẩn qua từng giai đoạn của Tứ thánh quả.

Như vậy, nếu luận về ý nghĩa của tâm chủ, tức là tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh vị, tánh xúc và tánh biết, thì khi có vật cũng thấy, khi không có vật cũng thấy; khi có âm thanh cũng nghe, khi không có âm thanh cũng nghe; khi có tâm khách thì nhận biết có tâm khách, khi không có tâm khách thì nhận biết là không có tâm khách. Cho nên, không phải vì tâm khách đến (sinh) mà tâm chủ này sinh, cũng không phải vì tâm khách đi (diệt) mà tâm chủ này diệt. Vì tâm chủ này không

sinh diệt theo các duyên nhưng cũng không rời các duyên, nên mới thường trụ bất diệt. Vì vậy, Ngài Kiều Trần Như mới dạy: *“Chẳng dùng trụ gọi là khách, dùng trụ là chủ”*.

Khi chúng ta so sánh ý nghĩa của đoạn văn kinh trên với giáo pháp Tứ thánh đế, sẽ nhận thấy rằng: tâm khách là chỉ cho khổ đế và tập đế; còn tâm chủ là chỉ cho diệt đế và đạo đế vô lậu. Cho nên, khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu thì sẽ bắt đầu tu tập Bát chánh đạo vô lậu. Chính tâm vô lậu là định - tuệ đồng thời. Tâm này thường rỗng lặng gọi là định, ở trong tâm ấy thường có trí tuệ nhận biết được tâm rỗng lặng, cũng như các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, v.v... gọi là tuệ. Trong Bát chánh đạo: chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc nhóm giới (thiện); chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định. Vì thế, khi tâm của các bậc thánh giả an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến và chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới

vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Do đó, các bậc thánh giả tu tập Bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Tu tập giới - định - tuệ vô lậu nghĩa là các Ngài sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Tuy vậy, các bậc Thánh giả thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các Ngài vẫn chưa sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Chỉ có những bậc thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh văn thừa), hàng Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa) và hàng Bồ-tát Bát-địa (Bồ-tát thừa) đã đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các Ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Tuy vậy, theo Kinh

và Luận thuộc truyền thống Đại thừa thì những bậc thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh văn thừa), hàng Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa), hàng Bồ-tát Bát-địa (Bồ-tát thừa) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng) nên các Ngài vẫn chưa sống hoàn toàn trọn vẹn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Duy chỉ Đức Thế Tôn mới đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) và chấp pháp (sở tri chướng) nên Ngài mới sống hoàn toàn trọn vẹn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Vì vậy, chỉ có Đức Thế Tôn mới sống hoàn toàn trọn vẹn với Bát chánh đạo vô lậu.

Tánh thấy sông Hằng

Nhân duyên Ngài A-nan thỉnh cầu Đức Phật chỉ dạy cái sinh diệt và cái không sinh diệt

Khi ấy ông A-nan và cả đại chúng nghe Phật chỉ dạy thân tâm thơ thới, nghĩ từ vô thủy đến nay

bỏ mất bản tâm, vọng nhận bóng dáng duyên trần phân biệt. Hôm nay được khai ngộ, như đứa hài nhi khát sữa bỗng gặp mẹ hiền. Ông chấp tay lễ Phật nguyện nghe Đức Như Lai chỉ ra nơi thân tâm cái nào chân, vọng, hư, thật và hiện tiền phát minh hai tính sinh diệt cùng chẳng sinh diệt.

Vua Ba-tư-nặc khải thỉnh

Khi ấy vua Ba-tư-nặc đứng dậy bạch Phật:

“Xưa khi con chưa được Phật chỉ dạy, nghe bọn Ca-chiên-diên và Tỳ-la-chi-tử đều nói thân này sau khi chết sẽ đoạn diệt (mất hẳn) gọi là Niết-bàn. Con tuy gặp Phật nhưng nay vẫn còn hồ nghi, làm thế nào bày tỏ để chứng biết tính không sinh diệt nơi tâm này. Nay những hàng hữu lậu trong đại chúng đây, đều mong mỗi được nghe điều ấy”.

Giải thích

Quan điểm của ngoại đạo như Ca-chiên-diên và Tỳ-la-chi-tử đều cho rằng Niết-bàn là sự đoạn diệt hoàn toàn sau khi chết. Vì thế, vua Ba-tư-nặc sinh tâm nghi ngờ nên mới thưa hỏi với Đức Thế Tôn rằng:

“Làm thế nào bày tỏ để chúng biết tính không sinh diệt nơi tâm này?”.

Đức Phật gạn hỏi sự biến đổi trong nhục thân

Phật bảo: “Đại vương, thân ông hiện đang sống đó, nay tôi lại hỏi ông: Thân thịt này của ông là đồng như kim cang thường còn hay biến hoại?”

Bạch Thế Tôn, thân con hiện nay đây, rốt cuộc cũng thay đổi và hoại diệt.

Phật bảo: “Đại vương, thân ông chưa từng hoại diệt, làm sao biết phải diệt?”

Bạch Thế Tôn, cái thân vô thường biến hoại này của con đây tuy chưa từng diệt, nhưng con xem hiện tiền mỗi niệm dời đổi mãi mãi không dừng, như lửa thành tro lần lần tiêu mất, vì dứt mất không dừng, nên con biết thân quyết định phải theo đó mà diệt mất!

Phật nói: “Đúng vậy”.

So sánh nhan sắc lúc trẻ và khi già

“Đại vương, nay ông tuổi đã già yếu, nhan mạo so với lúc còn bé như thế nào?”

Bạch Thế Tôn, xưa kia khi con còn bé thì da dẻ hồng hào, đến tuổi trưởng thành khí huyết đầy đủ, nay tuổi già hình sắc cũng theo đó mà già yếu khô gầy, tinh thần tối tăm, tóc bạc, mặt nhăn, sắp chết chẳng còn bao lâu. Như thế, đâu thể so sánh với khi còn trẻ mạnh.

Xét sự thâm thâm thay đổi

Phật bảo: “Đại vương, thân thể của ông đâu phải già liên?”

Vua thưa: “Bạch Thế Tôn, nó biến hóa thâm thâm thay đổi, con thật chẳng biết, lạnh nóng đổi dời, lần lần cho đến ngày nay. Vì sao? Vì lúc con hai mươi tuổi, tuy tuổi còn nhỏ, nhưng nhan sắc đã già hơn khi lên mười, đến ba mươi tuổi lại già hơn năm hai mươi tuổi; đến nay sáu mươi hai tuổi so với lúc năm mươi tuổi, rõ ràng khi năm mươi tuổi sức lực còn cường tráng hơn. Bạch Thế Tôn, con thấy nó thâm thâm dời đổi, tuy cái già nua này thay đổi giới hạn trong mười năm. Nếu con suy nghĩ kỹ hơn, chẳng những nó thay đổi trong khoảng mười năm, hai mươi năm mà thực nó thay đổi từng năm; chẳng những nó thay đổi từng năm, mà nó thay đổi

từng tháng; chẳng những nó thay đổi từng tháng, mà nó thay đổi từng ngày; chẳng những nó thay đổi từng ngày mà xét cho cùng nghĩ cho kỹ thì nó thay đổi từng sát-na, trong khoảng một niệm không dừng. Thế nên con biết thân này trọn theo sự biến đổi và hoại diệt”.

Tổng thích

Thân thể của mỗi chúng ta là do tứ đại hợp thành, nên vô thường và tàn hoại. Sự thay đổi của nó không chỉ diễn ra trong từng năm, từng tháng, từng tuần, từng ngày, từng giờ... mà nó biến đổi ngay trong từng sát-na, trong khoảng một niệm không dừng trụ. Bởi vì thân thể này là pháp duyên sinh, nên sẽ thay đổi theo thời gian và đi đến già, bệnh và chết. Đây là sự thật của pháp hữu vi. Duy chỉ có pháp vô lậu (vô vi) là pháp phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Vì pháp này là không, vô tướng, vô tác nên mới không sinh, không diệt.

Đức Phật khai thị về tánh không sinh diệt

Phật bảo: “Đại vương, ông thấy sự biến hóa đổi thay không dừng, nên ngộ biết thân ông hoại diệt,

vậy chính khi hoại diệt, ông có biết trong thân có cái gì chẳng hoại diệt chẳng?”

Vua Ba-tư-nặc chấp tay bạch Phật: “Thật con chẳng biết”.

Giải thích

Năm thủ uẩn này là pháp duyên khởi nên vô thường, khổ, không và vô ngã. Vì vậy, chúng ta cần phải ở nơi thân tâm sinh diệt này để lãnh hội được cái chân tâm không sinh diệt; phải ở nơi pháp vô thường để nhận được pháp thường trụ; ở nơi phiền não mà nhận được Bồ-đề; ở nơi vô minh mà nhận được minh. Đó chính là trí tuệ vô ngã vậy.

Phật hỏi vua Ba-tư-nặc lần đầu tiên thấy nước sông Hằng

Phật bảo: “Nay tôi chỉ cho ông tính chẳng sinh diệt. Đại vương, khi ông được bao nhiêu tuổi thì thấy nước sông Hằng?”

Vua thưa: “Con được ba tuổi, mẹ con dẫn đến lễ ra mắt thần Kỳ-bà Thiên, đi ngang qua dòng sông này, khi ấy con được thấy nước sông Hằng.

Phật hỏi về sự sinh diệt của cái thấy nước sông Hằng

Phật bảo: “Đại vương, như ông đã nói: Khi hai mươi tuổi đã già hơn lúc mười tuổi, cho đến sáu mươi tuổi, năm tháng ngày giờ, niệm niệm dời đổi. Vậy khi ông ba tuổi thấy sông Hằng này, đến mười ba tuổi cái thấy nước sông ấy thế nào?”

Vua thưa: “Như khi ba tuổi rõ ràng không khác, và đến nay con sáu mươi hai tuổi, cái thấy vẫn không khác”.

Phật gạn hỏi về sự có mặt của cái thấy không sinh diệt

Phật bảo: “Nay ông tự cảm thương tóc bạc, mặt nhăn, mặt ông nhất định là nhăn hơn lúc trẻ. Vậy cái thấy của ông hiện nay xem thấy sông Hằng, cùng với khi xưa còn trẻ xem thấy sông Hằng, cái thấy đó có già có trẻ chăng?”

Vua thưa: “Bạch Thế Tôn, không vậy”.

Phật khai thị tánh thấy không sinh diệt

Phật bảo: “Đại vương, mặt ông tuy nhăn, mà tính thấy này chưa từng bị nhăn. Cái bị nhăn thì

biến đổi, còn cái chẳng bị nhân thì không biến đổi. Cái biến đổi thì phải chịu hoại diệt, cái chẳng biến đổi kia vốn không sinh diệt, làm sao trong ấy lại nhận chịu cái sinh tử của ông, mà ông còn dẫn lời của bọn Mạt-già-lê kia bảo rằng, thân này sau khi chết hoàn toàn mất hẳn?”

Vua nghe lời ấy, tin biết thân này sau khi chết sẽ sinh thân khác, nên cùng với đại chúng vui mừng nhảy nhót, được việc chưa từng có.

Tổng thích

Bởi vì chúng ta sống với vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã, nên mới tạo nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), để rồi phải lãnh thọ quả sinh tử khổ đau trong các giới loại. Vì vậy, để chấm dứt sinh tử khổ đau này thì chúng ta phải lãnh hội cho được bản tâm không sinh không diệt. Qua ba lần gạn hỏi và chỉ dạy của Đức Phật đi từ cái thấy khác (vọng tâm) đến tánh thấy không khác (chân tâm). Trước hết, Ngài chỉ dạy do đâu có cái thấy khác khiến chúng sinh trôi lăn trong luân hồi sinh tử.

Đó là khi mắt nhìn thấy sắc, vin vào nơi các sắc ấy mà khởi tâm phân biệt yêu ghét; vì khởi tâm phân biệt như thế nên cái thấy này là “cái thấy khác”. Cái thấy khác là thấy có chỗ trụ nên nó thuộc về tâm sinh diệt (tâm hữu lậu).

Tiếp theo Ngài dạy về “cái thấy không khác” (tánh thấy thường trụ), khi mắt nhìn thấy sắc, các sắc ấy như thế nào thì ta nhìn thấy chúng đúng như thế ấy mà không sinh khởi tạp niệm yêu ghét (trong cái thấy chỉ là cái thấy). Vì không sinh khởi tạp niệm phân biệt ở nơi các sắc nên cái thấy này là cái thấy không khác. Vì cái thấy không khác nên đó là cái thấy như thật, không sinh diệt, thuộc về tâm vô lậu. Cái thấy không khác nghĩa là thấy mà không có chỗ thấy. Vì thấy mà không có chỗ thấy nên tất cả chỗ đều không tâm; vì tất cả các chỗ đều không tâm nên không có chỗ trụ; vì không có chỗ trụ nên đó mới là cái thấy chân thật, không sinh diệt.

Ngoài ra, Đức Phật còn dạy: Vì sống với cái thấy khác nên mới có già trẻ, vì có già trẻ nên mới

bị nhả, vì bị nhả nên mới có sự biến đổi, vì có sự biến đổi nên phải chịu sự hoại diệt. Khi nhận lại cái thấy không khác nên không có già trẻ, vì không có già trẻ nên chưa từng bị nhả, vì chưa từng bị nhả nên không có sự biến đổi, vì không có sự biến đổi nên đây là cái thấy như thật, không sinh không diệt.

Chính vì thế, cho dù vô minh hay minh cũng chỉ ngay nơi cái thấy mà thôi. Vô minh là cái thấy khác, còn minh là cái thấy không khác. Cái thấy khác là cái thấy sinh diệt; cái thấy không khác là cái thấy không sinh không diệt (trí vô lậu). Vì vậy, Đức Phật nhấn mạnh rằng phải ở nơi thân tâm sinh diệt này để lãnh hội chân tâm không sinh diệt. Và dù tánh thấy này (trí vô lậu) vốn không sinh không diệt, nhưng để sống được với nó, hành giả phải nỗ lực an trú nơi trí vô lậu tu tập để đoạn trừ dần vọng tâm (tham, sân và si). Cho đến khi hành giả đoạn trừ hoàn toàn tham, sân và si đối với năm thủ uẩn, thì lúc ấy mới thực sự an trú trong cái thấy không khác chân thật bất động (chân tâm).

Giản trạch tâm duyên để chỉ tánh thấy

Hỏi về chỗ không trả về

Thầy A-nan thưa: “Nếu tâm tính của con đều có chỗ trả về thì tại sao đức Như Lai dạy tâm diệu minh sẵn có không trả về đâu? Cúi mong Phật thương xót chỉ dạy cho điều ấy”.

Chỉ tính thấy không phải bóng mặt trăng

Phật bảo Thầy A-nan: “Vả lại, cái tính thấy vốn sáng suốt của Thầy thấy Tôi, thì cái tính thấy này tuy chẳng phải là cái diệu tinh minh tâm, nó như mặt trăng thứ hai, không phải bóng mặt trăng”.

Nêu tám thứ trần tướng

Thầy hãy nghe cho kỹ, nay tôi sẽ chỉ cho Thầy chỗ không thể trả về. A-nan, cửa đại giảng đường này mở rộng về phương Đông, khi mặt trời lên thì chiếu sáng; giữa đêm không trăng mây mù mờ mịt thì tối tăm; chỗ có các cửa thì thấy thông suốt; khoảng tường ngăn thì thấy bít lấp; chỗ phân biệt được thì thấy cảnh sắc duyên; trong chỗ trống rỗng toàn là hư không; cảnh tượng mịt mù là bụi tối; mưa tạnh trời thanh lại thấy trong.

Chỉ tám thứ trả về

A-nan, Thầy hãy xem các tướng biến hóa này, nay tôi đều trả về bản nhân của nó. Thế nào là bản nhân? A-nan, các tướng biến hóa này, sáng trả về cho mặt trời. Vì sao? Vì nếu không mặt trời thì không sáng. Nguyên nhân cái sáng thuộc về mặt trời, cho nên trả về cho mặt trời. Cái tối trả về cho đêm không trăng; thông suốt trả về cho cửa; ngăn bít trả về cho tường vách; sắc duyên trả về cho phân biệt; rỗng không trả về cho hư không; mù mịt trả về cho bụi; trong sáng trả về cho trời tạnh. Tất cả vật có ra trong thế gian đều không ngoài các thứ này.

Phật khai thị cái không thể trả về

Còn tính thấy sáng suốt của Thầy thấy tám thứ kia, Thầy muốn trả nó về đâu? Tuy sáng tối mỗi mỗi đều sai khác, nhưng cái thấy không sai khác. Các thứ có thể trả về được thì đó chẳng phải là tâm của Thầy. Cái Thầy không thể trả về được, chẳng phải tâm Thầy thì là gì? Ất biết tâm Thầy vốn nhiệm mầu thanh tịnh sáng suốt mà Thầy tự mê muội, bỏ mất tính bản nhiên, đành chịu luân hồi, thường bị

trôi nổi chìm đắm trong sinh tử. Thế nên, Như Lai nói là đáng thương xót vậy!”

Tổng thích

Ở đoạn văn kinh này có những cụm từ như: “Diệu tinh minh tâm”, “Mặt trăng thứ hai” và “Bóng mặt trăng”. “Diệu tinh minh tâm” là chỉ cho bản giác hay mặt trăng thứ nhất vốn sẵn có nơi mỗi chúng sanh hữu tình. “Mặt trăng thứ hai” là chỉ cho thủy giác (mới giác), bóng mặt trăng là chỉ cho bất giác vô minh, ái và thủ (khổ đế - tập đế).

Y nơi pháp thân này gọi là bản giác, tại sao? Vì nghĩa bản giác là đối với thủy giác mà nói, do thủy giác tức đồng với bản giác. Ý nghĩa này đã được nói rất rõ trong *Luận Đại Thừa Khởi Tín*: “Nghĩa thủy giác là y nơi bản giác mà có bất giác, y bất giác nên mới nói có thủy giác. Do giác được nguồn tâm gọi là cứu cánh giác, còn không giác được nguồn tâm nên không phải là cứu cánh giác”.

Chúng ta sống với vô minh, tham ái, chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã (bóng mặt trăng), nên mới lưu chuyển sinh tử khổ đau trong các

giới loại. Ngày hôm nay, chúng ta có tín tâm với Tam Bảo, tu tập các thiện pháp hữu lậu, rồi nhân duyên gặp được bậc thiện tri thức chỉ dạy nên nhận lại trí vô lậu. Khi chúng ta lãnh hội được trí vô lậu (chánh kiến vô lậu) này gọi là thủy giác (mới giác). Từ đây, chúng ta phải an trụ trong thủy giác (tức trí vô lậu) để tu tập đoạn trừ bất giác (tức vô minh, ái và thủ) mà thể nhập tùy phần giác cho đến toàn phần giác. Tùy phần giác hay từng phần giác là chỉ cho các bậc thánh Sơ quả, Nhị quả, Tam quả, Tứ quả và các bậc Đại Bồ-tát; còn toàn phần giác là chỉ cho Đức Thế Tôn. Ngài đã sống hoàn toàn với bản giác vô lậu thanh tịnh, cũng gọi là pháp thân.

Tất cả các pháp trong thế gian đều không vượt ra ngoài tám thứ là ánh sáng mặt trời, đêm tối, thông suốt, ngăn ngại, tâm phân biệt, hư không, cảnh tượng mịt mù và trời trong xanh. Nhưng Đức Phật còn dạy: *“Cái tánh thấy sáng suốt của Thầy A-nan thấy được tám thứ kia, thầy muốn trả về đâu?”*. Nếu cái tánh thấy sáng suốt này mà đem trả về cho ánh sáng mặt trời, thì khi trời tối đến sẽ không thấy được tối. Vì sao thế? Nếu tánh thấy

sáng suốt này lại thuộc về ánh sáng của mặt trời, thì khi tối đến sẽ không thấy được tối. Cho nên, trời sáng, đêm tối, thông suốt, ngăn ngại, tâm phân biệt, hư không, bụi bặm và trời trong xanh, các thứ ấy mỗi mỗi đều có sự sai khác. Vì thế, chúng đều có thể trả về được với bản nhân của chúng. Do có chỗ trả về nơi bản nhân, nên đó là pháp duyên sinh, vô thường, không phải là chân thật. Còn cái tánh thấy mà thấy sáng suốt được tám thứ kia không có sự sai khác nên không thể trả về đâu được. Chính tánh thấy sáng suốt mà thấy được tám thứ kia không thể trả về đâu được, vì không thể trả về đâu được, nên đó là tánh thấy sáng suốt nhiệm mầu của thầy A-nan cũng như của tất cả chúng sinh hữu tình, vốn đã sẵn có nó. Do chúng ta đã bỏ mất tánh thấy sáng suốt này nên mới trôi nổi chìm đắm trong vòng khổ đau sinh tử.

Như vậy, đâu là tánh thấy sáng suốt bản nhiên? Khi chúng ta thấy được tám thứ kia, tám thứ ấy như thế nào, thì ta chỉ nhìn thấy đúng như thật sự hiện hữu của chúng mà không khởi vọng niệm tham, sân, si, mạn, nghi và ác kiến. Đó là tánh thấy

sáng suốt bản nhiên không sinh diệt. Với ý nghĩa này, trong kinh Bāhiya, Đức Phật dạy: “Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, trong cái nhận biết chỉ là cái nhận biết”.

Ánh sáng mặt trời, đêm tối, thông suốt, ngăn ngại, tâm phân biệt, hư không, bụi bặm và trời trong xanh; tám thứ này bao gồm cho tất cả các pháp trong thế gian nên chúng thuộc về pháp hữu vi và pháp hữu vi - hữu lậu. Vì tám thứ này là pháp duyên sinh nên vô thường, hư huyễn. Cho nên, trong kinh Kim Cang, Đức Phật dạy: “*Các pháp hữu vi như giấc mộng, như ảo hoá, như bọt nước, như bóng hình, như sương mai, như điện chớp, hầy quán chiếu như vậy*”.

Trái lại, tánh thấy sáng suốt có thể thấy rõ được tám thứ kia, lại không có sự sai khác, bởi thế nên không thể trả về đâu được. Vì không thể trả về đâu được nên tánh thấy sáng suốt này là thuộc về tâm vô lậu. Vì tâm vô lậu là tâm phi nhân duyên nên không,

vô tướng, vô tác. Do tâm này không, vô tướng, vô tác nên không sinh, không diệt.

Tóm lại, chúng ta nhất định phải lãnh hội được tánh thấy sáng suốt bản nhiên ở nơi tám thứ kia, và không thể tách rời chúng để nhận lại tánh thấy sáng suốt bản nhiên không sinh diệt vốn sẵn có nơi tự thân của mỗi chúng ta.

Dạy tánh thấy chẳng phải thị, chẳng phải phi

“Này Văn Thù, nay tôi hỏi Thầy, như Thầy là Văn Thù, lại có Văn Thù phải là Văn Thù hay không phải Văn Thù?

Đúng như thế, bạch Thế Tôn! Con nay thật là Văn Thù, không có phải là Văn Thù. Vì sao? Vì nếu có phải là Văn Thù thì có hai Văn Thù. Song con hiện nay chẳng phải là không Văn Thù, trong ấy thật không có hai tướng “phải” hay “chẳng phải”.

Lời giải

Chính là Ngài Văn Thù thì tự thân Ngài không sinh khởi khái niệm Văn Thù hay không phải Văn Thù. Ý nghĩa “Văn Thù” ở đây là chỉ cho trí vô lậu.

Vì trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do trí này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm trí vô lậu hay không phải trí vô lậu. Cũng vậy, tánh thấy chân thật sẽ không sinh khởi ý niệm tánh thấy hay không phải tánh thấy. Nếu sinh khởi khái niệm tánh thấy hay không phải tánh thấy, thì đó không phải là tánh thấy chân thật. Cho nên, tánh thấy chân thật này là hai tướng phải hay chẳng phải. Vì vậy, trong *Kinh Kim Cang*, đức Như Lai dạy: “*Đệ nhất Ba La Mật tức chẳng phải đệ nhất Ba La Mật, nên gọi là đệ nhất Ba La Mật*”.

Trong tất cả pháp, Bát-nhã Ba La Mật là pháp tối thượng. Bát-nhã Ba La Mật là trí vô lậu. Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do trí này là không, vô tướng, vô tác nên không sinh khởi khái niệm trí vô lậu hay không phải trí vô lậu. Cũng vậy, Bát-nhã Ba La Mật không khởi lên ý niệm Bát-nhã Ba La Mật hay không phải Bát-nhã Ba La Mật. Nếu sinh khởi ý niệm Bát-nhã Ba La Mật thì đó không phải là Bát-nhã Ba La Mật. Vì thế, trong *Kinh Kim Cương*, Đức Phật dạy:

“Thật tướng là không tướng cho nên Như Lai nói là thật tướng”. Thật tướng là không tướng ở đây là chỉ cho trí vô lậu. Trí vô lậu là trí phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do trí này là không, vô tướng, vô tác nên mới là thật tướng. Chính ý nghĩa này, trong Tập A-hàm, kinh Na-già-đạt-đa (2), số 567, trưởng giả Chấ-đa-la nói: “Tham là có lượng. Nếu vô tránh, là đệ nhất vô lượng. Nghĩa là, tham là có tướng; nhuế, si là có tướng; vô tránh là vô tướng. Tham là sở hữu, sân nhuế là sở hữu, vô tránh là vô sở hữu. Lại nữa, vô tránh là trống không, không có tham, không có sân, không có si, trống không thường trụ chẳng biến đổi, không có ngã, không có ngã sở.”

Cũng vậy, trong Kinh Kim Cương, Đức Phật dạy các Thầy Tỳ-kheo: *“Quý vị phải biết, pháp tôi nói ví như chiếc bè, pháp còn phải buông bỏ huống là không phải pháp”*.

“Pháp” ở đây chính là Bát-nhã Ba La Mật (trí vô lậu). “Phi pháp” là chỉ cho tâm hữu lậu bất thiện (tà kiến, tà tư duy). Tất cả thiện pháp hữu lậu cũng chưa phải là pháp chân thật (chánh kiến,

chánh tư duy hữu lậu). Vì thế, khi chúng ta an trú trong tâm vô lậu tu tập nên không sinh khởi khái niệm tâm vô lậu hay không phải tâm vô lậu. Hay các bậc thánh giả an trú trong trí vô lậu tu tập (chánh kiến, chánh tư duy vô lậu) đoạn trừ khổ đế - tập đế (phi pháp) nên đạt Niết-bàn (tâm vô lậu). Do các bậc thánh giả A-la-hán sống trong Niết-bàn (tâm vô lậu) nên ở trong ấy không sinh khởi khái niệm đạt được Niết-bàn. Đó là ý nghĩa “*pháp còn phải buông bỏ hướng là phi pháp*”.

Dùng cái thấy động tịnh để chỉ bày tánh thấy bất động

Đức Phật xòe năm tay để gạn hỏi tánh thấy

Khi ấy đức Như Lai ở trong đại chúng, co năm ngón tay lại rồi xòe ra và hỏi Thầy A-nan rằng: “Nay Thầy thấy cái gì?”

Thầy A-nan thưa: “Con thấy bàn tay trăm báu của đức Như Lai ở trong chúng xòe ra nắm lại”.

Phật bảo A-nan: “Thầy thấy cái tay của tôi ở trong chúng xòe nắm, là cái tay tôi có xòe có nắm hay là cái thấy của Thầy có xòe có nắm?”

Thầy A-nan bạch Phật: “Tay báu của Đức Thế Tôn ở trong chúng có xòe nắm, con thấy tay của Như Lai tự có xòe có nắm, chứ chẳng phải tánh thấy của con có xòe nắm”.

Phật nói: “Cái nào động cái nào tịnh?”

Thầy A-nan thưa: “Tay của Phật không dừng, tánh thấy của con còn không có tịnh, thì đâu có gì là động”.

Phật nói: “Đúng như vậy!”

Đức Phật phóng quang để gạn hỏi cái thấy bất động

Bấy giờ trong lòng bàn tay của đức Như Lai phóng một luồng hào quang báu soi đến vai bên phải Thầy A-nan, liền khi ấy Thầy A-nan xoay đầu ngó qua bên phải. Phật lại phóng hào quang qua bên vai trái của Thầy A-nan, Thầy A-nan lại xoay đầu ngó về bên trái.

Phật bảo A-nan: “Đầu Thầy hôm nay nhân gì lại dao động?”

A-nan thưa: “Con thấy Như Lai phóng hào quang báu đến vai bên phải bên trái của con, con nhìn qua hai bên để xem, nên đầu con tự dao động”.

A-nan, Thầy nhìn xem hào quang của Phật, đầu Thầy xoay qua hai bên vai (phải trái), vậy đầu Thầy động hay cái thấy Thầy động?

Bạch Thế Tôn, đầu con tự động, mà tánh thấy của con còn không có dừng, huống là có động.

Phật nói: “Đúng như vậy”.

Đức Phật khai thị tánh thấy không có động tịnh co mở

Khi ấy đức Như Lai dạy khắp đại chúng: “Các Thầy xem đầu Thầy A-nan tự dao động, mà tánh thấy không dao động. Lại các Thầy xem tay tôi có co mở, mà tánh thấy không có co mở.”

Giải thích

Vạn vật luôn thay đổi, sinh diệt, còn chân tâm là bất động. Bởi vì chúng ta đã bỏ quên chân tâm nên mới lưu chuyển trong sinh tử khổ đau. Cho nên, chúng ta phải ngay nơi vạn vật chuyển động, sinh diệt mà lãnh hội chân tâm bất động; rồi an trú nơi

tâm này để tu tập thì khổ đau sẽ được đoạn trừ. Chính khi nhìn thấy các sắc, các sắc ấy như thế nào thì chúng ta chỉ nhìn thấy chúng đúng thật như thế ấy mà không sinh khởi vọng tâm thủ xả. Đây chính là chân tâm bất động, hay tánh thấy không có nắm xòe, không có động tịnh. Với ý nghĩa này, trong kinh Bāhiya, Đức Phật dạy: *“Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm và trong cái biết chỉ là cái nhận biết”*.

Tính thấy không do nghiệp riêng

Chỉ cái thấy sai lầm do nghiệp riêng

Thế nào gọi là thấy sai lầm do nghiệp riêng? A-nan, như người thế gian bị bệnh nhắm mắt, ban đêm nhìn ánh sáng ngọn đèn riêng thấy có bóng tròn năm màu bao phủ.

Ý Thầy nghĩ sao? Ban đêm đèn sáng hiện ra bóng tròn đó là màu sắc của ngọn đèn hay màu sắc của cái thấy?

A-nan, nếu màu sắc này là của ngọn đèn thì người không bệnh mắt sao chẳng đồng thấy, mà bóng tròn này chỉ riêng có người bệnh mắt mới thấy?

Lại nữa, A-nan! Phải biết, màu sắc thật nơi ngọn đèn, cái thấy bệnh nên có bóng tròn, bóng và cái thấy đều do mắt bệnh, chứ cái nhận biết được mắt bệnh kia không phải bệnh.

Dùng cái thấy do nghiệp riêng để hiển bày tánh thấy chân thật.

A-nan, nay tôi vì Thầy lấy hai việc đó lui tới kết hợp mà chỉ rõ. A-nan, cái nhận thấy sai lầm do nghiệp riêng của các chúng sinh kia thấy ngọn đèn hiện ra bóng tròn, tuy giống như tiền cảnh, nhưng rốt cuộc cái thấy đó, trọn do mắt bệnh nhậm mà thành. Mắt bệnh tức cái thấy bị lao nhọc, chứ chẳng phải do màu sắc tạo ra. Song người nhận được mắt bệnh, cái thấy của họ không có lầm lỗi.

Giải nghĩa

Trong đoạn văn kinh này, Đức Phật đã nêu ra hai hạng người: Hạng người thứ nhất vì bị bệnh nhậm mắt nên thấy bóng tròn năm sắc xung quanh

ngọn đèn trong đêm. Hạng người thứ hai vì không bị bệnh nhắm mắt nên không thấy bóng tròn năm màu. Như vậy, cùng một đối tượng là ngọn đèn, nhưng bóng tròn năm màu chỉ xuất hiện đối với người bị bệnh nhắm mắt; còn người có đôi mắt khoẻ mạnh thì không thấy hình ảnh ấy.

“Bóng tròn năm màu” ở đây là dụ cho bóng dáng của năm trần cảnh (sắc, thanh, hương, vị và xúc); “người bị bệnh nhắm mắt” là dụ cho chúng ta sống với vô minh, tham ái và chấp thủ vào năm thủ uẩn làm thực ngã. “Người không bị bệnh nhắm mắt” là dụ cho hành giả đã kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu hay trí vô lậu. Vì y vào sáu căn tiếp xúc với sáu trần nên dẫn sinh sáu thức, ba thứ căn, trần, thức hòa hợp sinh khởi xúc, xúc làm nhân duyên sinh khởi thọ, tưởng và hành tức sự tập khởi của năm thủ uẩn. Sự tập khởi của năm thủ uẩn là tâm hữu lậu nên có tính năng thủ và sở thủ. Cho nên, chính chúng ta đã sống với tâm năng thủ và sở thủ của tâm hữu lậu, chứ không nhận thấy được tính chất như thật của sắc, thanh, hương, vị và xúc.

Theo *Duy Thức*, khi mỗi tâm vương và tâm sở tập khởi thì chúng tạo thành ba phần: tự chứng phần, tướng phần và kiến phần. Từ nơi tự chứng phần sản sinh ra kiến phần và tướng phần. Chính kiến phần vin đến tướng phần chấp làm thực ngã và thực pháp. Do đó, nếu chúng ta sống với các thức thì sẽ không bao giờ nhận thấy được thực tại chân thật của các pháp. Chính ý nghĩa đó nên mỗi người sẽ có nhận thức, khái niệm, phân tích, phán xét, ưa muốn khác nhau đối với các pháp. Đây chính là do nghiệp riêng của mỗi chúng ta.

Những người không bị bệnh nhậm mắt là dụ cho các hành giả nhận được chân tâm (chánh kiến vô lậu). Chánh kiến vô lậu là chánh kiến phi nhân duyên nên không, vô tướng, vô tác. Do chánh kiến này là không, vô tướng, vô tác nên thấy chỉ là cái thấy, nghe chỉ là cái nghe, cho đến biết chỉ là cái nhận biết. Chính chánh kiến này mới nhận thấy được như thật sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần.

Tóm lại, Đức Phật dạy rằng, chúng ta nhìn thấy ngọn đèn xuất hiện bóng tròn năm màu, đó là cái

thấy sai lầm do nghiệp riêng của chính mình. Cái thấy ấy là do bị bệnh nhậm mắt (vọng tâm) tạo ra, chứ không phải do tự thân ngọn đèn (tức sắc, thanh, hương, vị và xúc). Còn chính tâm nhận thấy được mắt bệnh, tâm này vốn không lầm lỗi vì đây là tâm chân thật. Nghĩa là, tâm nhận biết được như thật sự tập khởi của năm thủ uẩn (vọng niệm), thì tâm này chính là chánh kiến vô lậu. Do đó, các bậc Thánh nhân trong quá khứ, hiện tại và vị lai đều do lãnh hội được chánh kiến vô lậu tu tập nên mới thành tựu Tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật.

Đức Phật khai thị tánh nghe thường trụ

Đức Phật dạy Thầy La-hầu-la thỉnh chuông để gạn hỏi tánh nghe

Đức Phật dạy Thầy A-nan: Nay tôi thử đem cái việc thế gian để trừ nghi cho Thầy. Liền khi ấy, đức Như Lai bảo La-hầu-la đánh một tiếng chuông và hỏi Thầy A-nan rằng: “Nay Thầy có nghe chăng?”

Thầy A-nan và đại chúng đều đáp: “Dạ, có nghe”.

Khi tiếng chuông hết ngân, Phật lại hỏi: “Nay Thầy có nghe chăng?”

Thầy A-nan và đại chúng đều đáp: “Dạ, không nghe”.

Khi ấy Thầy La-hầu-la lại đánh một tiếng chuông nữa, Phật lại hỏi: “Nay Thầy có nghe chăng?”

Thầy A-nan và đại chúng đều đáp: “Dạ, có nghe”.

Phật lại hỏi Thầy A-nan: “Thế nào là Thầy có nghe, thế nào là Thầy không nghe?”

Thầy A-nan và đại chúng đều bạch Phật rằng: “Tiếng chuông nếu đánh lên thì chúng con được nghe, đánh lâu tiếng hết, âm vang đều dứt, thì gọi là không nghe”.

Đức Phật cho thỉnh chuông để gạn hỏi về thanh trần

Đức Như Lai dạy La-hầu-la đánh một tiếng chuông nữa và hỏi Thầy A-nan rằng: “Theo Thầy, nay có tiếng chăng?”

Thầy A-nan và đại chúng đều đáp: “Dạ, có tiếng”.

Giây lâu tiếng dứt, Phật lại hỏi: “Theo Thầy nay có tiếng chăng?”

Thầy A-nan và đại chúng đều đáp: “Dạ, không tiếng”.

Lát sau Thầy La-hầu-la lại đánh một tiếng chuông. Đức Phật lại hỏi Thầy A-nan: “Nay đối với Thầy có tiếng chăng?”

Thầy A-nan và đại chúng đều đáp: “Dạ, có tiếng”.

Đức Phật hỏi Thầy A-nan: “Thế nào mà Thầy gọi rằng có tiếng và thế nào gọi là không tiếng?”

Thầy A-nan và đại chúng đều bạch Phật rằng: “Tiếng chuông đánh lên thì gọi là có tiếng, đánh lâu tiếng hết âm vang không còn, thì gọi là không tiếng”.

Đức Phật quả trách Thầy A-nan vì không phân biệt giữa cái nghe và thanh trần

Phật dạy Thầy A-nan và đại chúng: “Hôm nay sao các Thầy nói trái ngược lộn xộn như thế?”

Thầy A-nan và đại chúng đều bạch Phật: “Thế nào Thế Tôn bảo chúng con nói trái ngược lộn xộn?”

Phật dạy: “Tôi hỏi Thầy về nghe, thì Thầy nói là nghe. Lại hỏi Thầy về tiếng, thì Thầy nói là tiếng. Chỉ cái nghe và cái tiếng mà Thầy trả lời không nhất định, như thế làm sao không gọi là trái ngược lộn xộn? A-nan, tiếng hết không còn âm vang, Thầy nói rằng không nghe, nếu thật không nghe, thì tánh nghe đã diệt đồng như cây khô, khi tiếng chuông lại đánh lên Thầy làm sao mà biết tiếng? Biết có biết không tự là thanh trần hoặc không hoặc có, chứ tánh nghe kia há lại vì Thầy mà thành có thành không. Nếu tánh nghe nói là thật không thì ai biết là không nghe?

Thế nên A-nan, tiếng trong cái nghe tự có sinh diệt, chẳng phải vì Thầy nghe tiếng sinh tiếng diệt, khiến cho tánh nghe của Thầy là có hay là không. Tóm lại, Thầy không nên nói rời các tướng động tịnh thì tánh nghe không có.

Tổng thích

Ở đoạn kinh này Đức Phật muốn hỏi thầy A-nan và đại chúng về tánh nghe, chứ không phải về tiếng. Vì tiếng là thuộc về thanh trần nên khi

đánh lên thì có tiếng, đánh lâu tiếng hết thì âm vang cũng không còn nên gọi là không có tiếng.

Mỗi khi chúng ta nghe các âm thanh, thường sinh khởi vọng tâm phân biệt nơi các âm thanh ấy, nên mới bỏ mất tánh nghe thường trụ không sinh diệt. Cho nên, Đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện để chỉ dạy về tánh nghe thường trụ không sinh diệt vốn có nơi mỗi chúng sinh. Cái tánh nghe này chính là tâm nghe, nên khi có âm thanh hay không có âm thanh cũng đều nghe, đây chính là tánh nghe thường trụ không sinh diệt (tâm vô lậu).

Khi có âm thanh mới nghe, khi không có âm thanh lại không nghe, đây là cái nghe và cái không nghe theo duyên sinh duyên diệt nên không phải là tánh nghe. Tánh nghe là khi có âm thanh hay không có âm thanh cũng thường nghe. Không phải vì có âm thanh mà tánh nghe này sinh, cũng không phải vì không có âm thanh mà tánh nghe này diệt, đây mới gọi là tánh nghe thường trụ không sinh diệt.

Khi chúng ta nghe các âm thanh, các âm thanh ấy như thế nào thì chúng ta chỉ nghe như thế ấy, tức trong cái nghe chỉ là cái nghe (không sinh khởi tạp niệm), đây là tánh nghe không sinh không diệt. Nghĩa là, tánh nghe này dù có hay không có thanh trần cũng thường nghe.

Tuy nhiên, như Đức Phật dạy, chúng sinh vì lâu đời sống với vô minh nên đã lấy vọng làm chân, quên mất bản tâm, nên không phân biệt được đâu là vọng và đâu là chân. Chính điều này nên chúng ta vốn sống với vọng tâm vin bám nơi các trần cảnh. Đoạn kinh văn này, Đức Phật quả trách Ngài A-nan và đại chúng vì không phân biệt được giữa cái nghe và thanh trần, nên đã trả lời không đúng ý nghĩa mà Ngài muốn hỏi. Đó là Đức Thế Tôn muốn dạy rằng: do chúng ta không phân biệt được đâu là tánh nghe và đâu là tiếng, đâu là chân và đâu là vọng, nên mới trôi lăn mãi trong sinh tử khổ đau.

Bởi vì tánh nghe chính là tâm nghe (chân tâm), nên khi có tiếng thì nhận biết có tiếng; khi không có tiếng thì nhận biết là không tiếng. Vì tiếng là

thuộc về thanh trần, nên có sinh có diệt, còn tánh nghe thì không sinh không diệt. Hay nói cách khác, hành giả an trú trong chân tâm để nghe tất cả các âm thanh, nên trong cái nghe chỉ là cái nghe, đây chính là đạo để vô lậu.

Do nhĩ căn chứng viên thông

Lãnh hội lời Phật dạy

Khi ấy Bồ-tát Quán Thế Âm liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ nơi chân Phật mà bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, con nhớ vô số hằng hà sa kiếp về trước có Phật ra đời hiệu là Quán Thế Âm, từ Đức Phật kia con phát tâm Bồ-đề. Đức Phật kia dạy con do từ nghe (văn) suy nghĩ (tư) và tu mà vào tam-ma-địa”.

Chứng nghiệm từng phần

Ban đầu ở trong tính nghe mà vào được dòng nên hai tướng động tịnh rõ thật không sinh.

Không dừng lại ở đó, mà tiến lên nữa cho đến năng giác sở giác đều không; năng không sở không đều diệt. Khi sinh diệt đã diệt thì bản tính tịch diệt hiện tiền.

Tổng thích

Ở đoạn văn kinh này, Bồ-tát Quán Thế Âm đã thuật lại nhân duyên hội đạo và nương ở nơi nhân ấy để tu đạo, trở nên là vị đại Bồ-tát.

Bồ-tát Quán Thế Âm dạy rằng: Chính ngay nơi thanh trần mà nhận được tánh nghe nên dự vào dòng Thánh (kiến đạo). Vì an trú trong tánh nghe nên quên đi tướng bị nghe, ấy là phân biệt được rõ ràng đâu là tánh nghe và đâu là thanh trần. Nhờ an trú trong tánh nghe nên nhận biết một cách rõ ràng hai tướng động tịnh. Từ đây, với sự an trú trong tánh nghe (tâm vô lậu) tu tập nên chân tâm nhận biết vọng tâm được phân minh.

Tánh nghe chính là chân tâm, hay chánh kiến vô lậu. Cho nên, chánh kiến vô lậu gọi là năng giác, vọng niệm suy nghĩ là sở giác. Vì có sở giác (vọng tâm) nên mới lập danh tâm năng giác (chân tâm). Chính nhờ tâm năng giác (chánh kiến vô lậu) mới nhận biết được như thật (trong cái biết chỉ là cái nhận biết) tâm sở giác (vọng tâm). Khi ta an trú trong tâm năng giác để nỗ lực tu tập trong đời sống mỗi khi đi, đứng, nằm, ngồi, hay khi căn

tiếp xúc với trần, nên sở giác (vọng niệm) được đoạn trừ. Vì có sở giác (vọng niệm) nên mới có tâm năng giác (nhận biết được vọng niệm). Khi sở giác được đoạn trừ thì tâm năng giác cũng theo đó mà chuyển biến sang một cái thấy, cái biết, chân thật và sáng suốt hơn.

Khi tâm năng giác và sở giác được đoạn trừ thì hành giả bước tới tâm năng không và sở không. Sở không là trạng thái tâm được rỗng lặng mà không còn nhận biết được tướng của tập niệm sinh khởi. Còn tâm năng không là tâm nhận biết được tâm rỗng lặng (sở không) mà không còn nhận biết được tướng của tập niệm sinh khởi. Đây chính là giai đoạn năng không và sở không.

Khi chúng ta tu tập đạt đến tâm năng không và sở không thì khi đi, đứng, nằm, ngồi, mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc chạm, tâm vẫn thường rỗng lặng. Tuy tâm rỗng lặng nhưng lại thường nhận biết được tâm rỗng lặng và phân biệt rõ thiện ác, thân tâm, vạn vật như sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Tuy đạt được trạng thái tâm năng không và sở không nhưng hành giả vẫn chưa thể sống trọn vẹn với chân tâm rỗng lặng. Vì thế, hành giả không thể dừng trụ lại ở nơi trạng thái tâm đó mà phải tiếp tục nỗ lực tu tập để vượt qua giai đoạn này. Lúc đó, hành giả mới thật sự thành tựu được cái không giác rốt ráo, chân thật tột cùng.

Vô lậu chẳng sinh hữu lậu

Nghi Như Lai đã chứng diệu minh, tại sao thế giới vẫn còn?

Thầy Phú-lâu-na thưa: “Nếu tính diệu giác này cùng với tâm Như Lai không thêm, không bớt, vô cơ bỗng nhiên sinh ra núi, sông, đất liền, các tướng hữu vi. Vậy đức Như Lai hiện nay đã chứng được tính diệu không minh giác, thì đến khi nào lại sinh ra núi, sông, đất liền và các tập lậu hữu vi?”

Dụ người mê lầm phương hướng khi ngộ chẳng sinh mê

Phật bảo Thầy Phú-lâu-na: “Thí như người mê, ở trong một xóm làng, lầm hướng Nam cho là

hướng Bắc, cái lằm này nhân mê mà có hay nhân ngộ mà ra?”

Thầy Phú-lâu-na thưa: “Người mê như thế, không phải nhân mê, cũng không phải nhân ngộ. Vì có sao? Mê vốn không cội gốc, làm sao nói nhân mê, ngộ không phải sinh ra mê, làm sao lại nhân ngộ?”

Tổng thích

Ngài Phú-lâu-na thưa với Đức Thế Tôn rằng: Đức Phật đã chứng được tính diệu không minh giác (bản giác hay pháp thân) thì có sinh khởi các pháp hữu vi - hữu lậu không? Đức Thế Tôn mới dạy cho ngài Phú-lâu-na: Nếu có một người ở trong một xóm làng muốn đi về hướng Bắc nhưng lại lằm đường đi về hướng Nam và cho hướng Nam là hướng Bắc thì cái lằm này nhân nơi mê hay nhân nơi ngộ mà có?

Ngài Phú-lâu-na bạch với Đức Phật: Người mê như vậy không phải nhân nơi mê, cũng không phải nhân nơi ngộ. Tại sao? Bởi tâm mê vốn không có nguồn gốc để sinh ra mê thì làm sao nói nhân

nơi mê, và ngộ không thể sinh ra mê thì làm sao nhân nơi ngộ.

Giác chẳng sinh mê

Phật dạy: “Người mê kia, chính khi họ đang mê, bỗng có người ngộ chỉ cho, khiến họ được ngộ. Phú-lâu-na, ý Thầy nghĩ sao? Người ấy dẫn cho mê mà đối với xóm làng này lại còn sinh mê nữa chăng?”

Bạch Thế Tôn, không vậy.

Này Phú-lâu-na, mười phương Như Lai cũng như vậy. Cái mê ấy không có cội gốc, nếu giác ngộ được cái mê thì mê diệt, vì giác chẳng sinh mê.

Giải thích

Một người muốn đi về hướng Bắc nhưng lại bị lầm đường hướng Nam cho là hướng Bắc, nếu có người chỉ cho con đường đi về hướng Bắc thì vị ấy sẽ không còn bị lầm hướng Nam cho là hướng Bắc nữa. Cũng như vậy, tâm mê tức là hữu lậu vốn không có nguồn gốc để sản sinh ra tâm mê, vì bản chất của tâm mê (hữu lậu) là duyên sinh nên vô thường, khổ và vô ngã. Tuy tất cả chúng ta đều có chân tâm nhưng vì chưa đủ nhân duyên để nhận

lại nên mới mê chấp trong vọng niệm (vô minh, ái và thủ).

Nếu chúng ta giác ngộ được tâm mê, rồi an trú trong tâm giác (chân tâm) để nhận biết sự tập khởi của tâm mê (vọng niệm) là vô thường, khổ và vô ngã, thì tâm mê sẽ tự sinh và tự diệt, bởi giác không bao giờ sinh ra mê. Đó là chân tâm không sinh ra vọng tâm, hoặc tâm vô lậu không sinh ra tâm hữu lậu.

Dụ vàng trong khoáng không xen tạp

“Một khi vàng đã luyện thành vàng ròng rồi, thì không thành quặng nữa. Cũng như cây đã đốt thành tro thì chẳng thành cây được nữa. Chư Phật Như Lai Bồ Đề, Niết-bàn cũng lại như vậy”.

Giải thích

Tất cả chúng ta đều có tâm hữu lậu và tâm vô lậu. Chúng ta phải ở nơi sự tập khởi của tâm hữu lậu để nhận được tâm vô lậu, rồi an trú trong tâm vô lậu tu tập để đoạn trừ sự tập khởi của tâm hữu lậu (vô minh, ái và thủ). Khi vọng niệm hữu lậu được đoạn sạch hoàn toàn thì chỉ còn lại tâm

vô lậu (Niết-bàn). Tâm vô lậu thanh tịnh không sinh lại tâm hữu lậu. Cho nên, Đức Phật, các bậc đại Bồ-tát, các vị A-la-hán đạt được Niết-bàn nên sẽ không sinh khởi lại tâm hữu vi - hữu lậu.

Nhân đâu có vọng

Thầy Phú-lâu-na thưa: “Diệu Tịnh Minh Tâm của con và của Như Lai viên mãn không hai, mà con trước kia đã bị các vọng tưởng từ vô thủy đành ở lâu trong luân hồi, nay nương nhờ Phật lực vẫn chưa được rốt ráo. Thế Tôn thì tất cả các vọng đều dứt sạch chỉ còn Tính Diệu Chân Thường. Xin hỏi Đức Như Lai, tất cả chúng sinh nhân đâu có vọng, tự che lấp tính diệu minh mà phải chịu chìm đắm như vậy?”

Giải thích

Trong giáo lý Tứ thánh đế, tập đế là vô minh, ái và thủ; còn giáo lý mười hai nhân duyên, vô minh là nguyên nhân chính để dẫn sinh hành, thức cho đến già và chết. Vì vậy, vô minh chính là nguyên nhân dẫn sinh quả khổ đau sinh tử của mỗi chúng ta. Và chính nó đã che phủ tính diệu minh

(chân tâm) của chúng ta. Còn các bậc Thánh nhân đã hội được tính diệu minh tu tập đoạn trừ vô minh, ái và thủ đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn (khổ đế - tập đế) để thành tựu được Tứ thánh quả. Những bậc thánh Hữu học và Vô học vẫn chưa thành tựu được rốt ráo tính diệu minh (pháp thân hay bản giác), mà chỉ có Đức Thế Tôn mới thành tựu viên mãn tính diệu minh này.

Chỉ mê vốn không có nhân

Phật dạy Thầy Phú-lâu-na: “Nay tôi lấy việc hiện tiền trong thế gian để hỏi Thầy, Thầy đâu không nghe trong thành Thất-la-phiệt có anh Diễn-nhã-đạt-đa, một buổi sáng lấy gương soi mặt, bỗng yêu thích cái đầu trong gương, lông mày, con mắt có thể thấy rõ, rồi giận trách cái đầu mình sao không thấy được mặt mày, cho là giống yêu quái, không có gì phát cuồng bỏ chạy. Ý Thầy nghĩ sao? Người này vì nguyên nhân gì vô cớ phát cuồng bỏ chạy?”

Thầy Phú-lâu-na thưa: “Chỉ tâm người ấy cuồng không có cớ gì khác!”

Giải thích

Đức Phật đã nêu ra một ví dụ trong thế gian rằng: ở trong thành Thất-la-phiệt, có anh Diễn-nhã-đạt-đa vào một buổi sáng dùng gương để soi mặt thì nhìn thấy cái đầu, khuôn mặt, mắt, tai, mũi và miệng xuất hiện ở trong tấm gương. Nhưng khi cất tấm gương đi, anh không còn nhìn thấy cái đầu, khuôn mặt... lại sinh tâm giận trách cái đầu của mình sao lại không nhìn thấy được những thứ ấy, nên phát cuồng bỏ chạy. Bởi vì anh Diễn-nhã-đạt-đa không phân biệt được đâu là cái đầu, khuôn mặt thật và đâu là bóng của cái đầu, khuôn mặt... ở trong gương, nên mới sinh tâm phát cuồng bỏ chạy. Nhưng vốn những thứ ấy thật chưa từng mất. Với ý nghĩa này, Đức Phật muốn chỉ dạy rằng: Chúng ta vốn có tâm vô lậu và tâm hữu lậu nhưng vì không nhận lại tâm vô lậu để tu tập mà luôn sống với tâm hữu lậu, nên mới lưu chuyển trong sanh tử khổ đau. Tuy chúng ta đã lưu chuyển trong sinh tử khổ đau như vậy, nhưng tâm vô lậu vẫn chưa từng bị mất.

Dụ tính mê tự có, vốn không sót mất

Phật bảo: “Tính Diệu Giác sáng suốt viên mãn bản lai là Diệu Minh cùng khắp, đã gọi là vọng thì làm sao có nhân, nếu có nguyên nhân thì sao gọi là vọng? Tự các vọng tưởng xoay vần, làm nguyên nhân cho nhau, từ mê chứa chấp cái mê trải qua kiếp số như vi trần”.

Tuy Phật đã chỉ rõ ra, vẫn còn không biết trở về. Nguyên nhân cái mê như vậy, là nhân mê tự có. Biết mê không nhân, thì vọng không chỗ tựa, còn không có sinh, lại muốn đem cái gì làm diệt.

Người được Bồ-đề, như người khi thức nói việc trong mộng; tâm dầu sáng suốt nhưng không thể có nhân duyên gì để lấy vật trong mộng, huống nữa cái mê không có nhân, vốn không thật có.

Như Diễn-nhã-đạt-đa trong thành kia, đâu có nhân duyên, mà tự sợ đầu mình bỏ chạy; bỗng nhiên hết điên, cái đầu chẳng phải do bên ngoài đưa tới. Dầu chưa hết cuồng cái đầu cũng không hề mất.

Phú-lâu-na, tính vọng tưởng là như vậy, làm sao còn có nguyên nhân được.

Giải thích

Không có một nguyên nhân đầu tiên để dẫn sinh ra tâm mê, và cũng không có một nhân duyên sau cùng để đoạn tận tâm mê, bởi mê tự sinh ra mê. Đó là vọng tâm của niệm trước tập khởi liền diệt mất trong một sát na, để mở đường làm điều kiện cho niệm sau sinh khởi. Tức tự các vọng niệm chuyển động, xoay vần để làm nhân duyên cho nhau, từ nơi tâm mê lầm này lại chấp vào tâm mê khác như thế. Trong pháp mười hai nhân duyên, vô minh chính là nguyên nhân làm sinh khởi hành, và hành lại làm nhân duyên cho thức tập khởi, cho đến sinh và già chết tập khởi. Nếu ngay nơi sự tập khởi của tâm mê (vô minh, ái và thủ), mà chúng ta hội được tâm giác, tâm mê sẽ tự sinh, tự diệt. Sau khi lãnh hội được tâm giác, chúng ta an trú trong tâm ấy để tu tập đoạn trừ tâm mê. Khi tâm mê đã đoạn trừ hoàn toàn, thì chỉ còn lại tâm giác (vô lậu). Tâm vô lậu không sinh khởi lại tâm hữu lậu.

Thí dụ để tóm kết

Thí như có người tự trong chéo áo có hạt châu Như Ý, nhưng không tự hay biết, đành chịu nghèo

*khô rách rưới giong ruồi đến phương xa xin ăn.
Tuy thật nghèo khổ nhưng hạt châu chưa từng mất.
Bỗng có người trí chỉ cho hạt châu ấy, thì chỗ mong
cầu đều toại nguyện mà trở nên rất giàu có. Mới
biết hạt châu quý báu ấy không phải từ bên ngoài
đưa đến.*

Giải thích

Tất cả chúng ta đều có sẵn tâm vô lậu nhưng không tự biết để nhận lấy vật quý báu bậc nhất ấy nên phải chịu luân chuyển trong sinh tử khổ đau. Tuy lưu chuyển trong sinh tử khổ đau như vậy, nhưng tâm vô lậu vẫn chưa từng bị mất. Ngày hôm nay, chúng ta có niềm tin đối với Tam Bảo, phát tâm tu tập các thiện pháp, nhân duyên gặp bậc thiện tri thức chỉ dạy liền nhận được tâm vô lậu sẵn có, rồi an trú trong tâm này tu tập để đạt các thánh quả Hữu học cho đến quả vị Vô học (A-la-hán).

3



ĐỐI CHIẾU NỘI DUNG KINH BĀHIYA VỚI CÁC KINH ĐIỂN ĐẠI THỪA

Nội dung kinh Bāhiya trong Tiểu Bộ Kinh

Một thời Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana, ngôi vườn ông Anāthapindika. Lúc bấy giờ, Bāhiya Dācuciriya trú ở Suppāraka, trên bờ biển, được cung kính, tôn trọng đánh lễ, cúng dường và nhận được y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Rồi Bāhiya Dācuciriya khởi lên tư tưởng như sau: “Với ai là bậc A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán, ta là một trong những vị ấy”.

Rồi một thiên nhân, trước là bà con huyết thống với Bāhiya Dāruciriya, vì lòng từ mẫn, vì muốn lợi ích, với tâm của mình biết tâm tư của Bāhiya Dāruciriya, đi đến Bāhiya Dāruciriya và nói như sau:

“Này Bāhiya, Ông không phải là A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán. Ông không có đạo lộ ấy, với đạo lộ này Ông có thể trở thành A-la-hán hay đang đi trên con đường đưa đến A-la-hán”.

“Nhưng ai là những vị, trong thế giới này, với thế giới chư Thiên là những vị A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán?”

“Này Bāhiya, có thành phố tên là Sàvatthi trên những quốc lộ phương Bắc. Tại đây có Thế Tôn hiện đang trú, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Vị ấy là bậc A-la-hán và thuyết pháp đưa đến quả A-la-hán”.

Rồi Bāhiya Dārucirīya, được thiên nhân ấy thúc giục, đi ra khỏi Sappāraka, trong suốt đường trường, chỉ nghỉ một đêm, đi đến chỗ Thế Tôn đang trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn Anāthapindika. Lúc bấy giờ nhiều Tỳ-kheo đang đi kinh hành giữa trời. Bāhiya Dārucirīya đi đến các Tỳ-kheo ấy, sau khi đến nói như sau:

“Thưa các Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở đâu? Chúng tôi muốn được yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác”.

“Này Bāhiya, Thế Tôn đã đi vào giữa các nhà để khát thực”.

Rồi Bāhiya Dārācīriva mau chóng ra khỏi Jetavana, đi vào Sāvattthi, và thấy Thế Tôn đang đi khát thực, khả ái, khởi lên tịnh tín, các căn an tịnh, tâm ý an tịnh, đạt được an chỉ, chế ngự tối thượng, giống như một con voi được điều phục, phòng hộ với các căn an tịnh. Thấy vậy, Bāhiya Dārūcīriya liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến, cúi đầu xuống chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con, Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc an lạc lâu dài”.

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bāhiya Dārūcīriya: “Không phải thời, này Bāhiya, Ta đang khát thực”.

Lần thứ hai Bāhiya Dārūcīriya bạch Thế Tôn:

“Thật khó biết, bạch Thế Tôn, là chuống ngại cho mạng sống của Thế Tôn, hay chuống ngại cho mạng sống của con. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết

pháp cho con. Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc an lạc lâu dài”.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Bāhiya Dāruciriya:

“Không phải thời, này Bāhiya, Ta đang khát thực”.

Lần thứ ba, Bāhiya Dāruciriya bạch Thế Tôn:

“Thật khó biết... hạnh phúc lâu dài”.

Vậy này Bāhiya, Ông cần phải học tập như sau:

“Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri.

Như vậy, này Bāhiya, ông cần phải học tập. Vì rằng, này Bāhiya, nếu với ông, trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng; trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri. Do vậy, này Bāhiya, ông không là chỗ ấy. Vì rằng, này Bāhiya, Ông không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau”.

Nhờ lời thuyết pháp tóm tắt này của Thế Tôn, tâm của Bāhiya Dāruciriya được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Thế Tôn sau khi thuyết cho Bāhiya Dāruciriya lời giáo giới tóm tắt này, liền ra đi. Thế Tôn ra đi không bao lâu, một con bò con húc chết Bāhiya Dāruciriya. Thế Tôn sau khi khát thực ở Sāvattthi xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi ra khỏi thành với nhiều Tỳ-kheo, thấy Bāhiya Dāruciriya bị chết, thấy vậy liền nói với các Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo, hãy lấy thân xác Bāhiya Dāruciriya, đặt lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, rồi xây tháp lên trên. Này các Tỳ-kheo, một vị đồng Phạm hạnh với các Thầy đã qua đời!”

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn”.

Các vị Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, sau khi đặt xác thân của Bāhiya Dāruciriya lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, xây dựng cái tháp cho vị ấy, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

“Bạch Thế Tôn, thân xác của Bāhiya Dāruciriya đã được hỏa thiêu, tháp đã được xây dựng xong cho vị ấy. Sanh thứ cho vị ấy là gì? Đời sau vị ấy là gì?”.

“Này các Tỳ-kheo, Hiền trí là Bāhiya Dàruciriya đã hành trì tùy pháp, đúng pháp và không có phiền nhiễu Ta với những tranh luận về pháp. Này các Tỳ-kheo, Bāhiya Dàruciriya đã nhập Niết-bàn”.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

“Chỗ nào nước và đất, lửa, gió không chấp trước. Tại đây sao không chói. Mặt trời không chiếu sáng. Tại đây trăng không chiếu. Tại đây u ám không. Khi ẩn sĩ Phạm chí, tự mình với trí tuệ, thể nhập vào Chánh pháp, vị ấy được giải thoát khỏi sắc và vô sắc, khỏi an lạc, đau khổ” (Bản dịch của Hòa Thượng Thích Minh Châu).

Tôn giả Bāhiya Dàruciriya đã tha thiết thỉnh cầu Đức Thế Tôn dạy cho giáo pháp để tu tập đoạn tận khổ đau. Chính với tâm tha thiết đó, nên Đức Thế Tôn đã dạy cho Tôn giả Bāhiya Dàruciriya là phải ở nơi sáu căn: mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm và ý tiếp xúc với pháp trần để lãnh hội tâm vô lậu tu tập. Vì sáu căn là cội gốc của khổ đau, nhưng sáu căn cũng chính là nguồn gốc của giải thoát khổ đau sinh tử. Hay nói

cách khác, ngay nơi khổ để tập để để nhận được đạo để vô lậu - đó là con đường thực tập mà Đức Phật dạy cho Tôn giả Bāhiya Dāruciriya:

“Vây này Bāhiya, ông cần phải học tập như sau: Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri.

Như vậy, này Bāhiya, ông cần phải học tập.

Vì rằng, này Bāhiya, nếu với ông, trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng; trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri. Do vậy, này Bāhiya, ông không là chỗ ấy. Vì rằng, này Bāhiya, ông không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau” (Trích từ bản dịch của Hòa Thượng Minh Châu).

“Này Bāhiya, con hãy thực hành như sau. Khi nhìn chỉ có cái được nhìn. Khi nghe chỉ có cái được nghe. Khi xúc chạm chỉ có cái được xúc chạm. Khi biết chỉ có cái được biết. Con hãy tự rèn luyện như vậy. Khi mà đối với con, khi nhìn chỉ có cái được nhìn, khi nghe chỉ có cái được nghe, khi xúc chạm

chỉ có cái được xúc chạm, khi biết chỉ có cái được biết, thì Bāhiya sẽ không có cái tôi nào liên quan tới những thứ đó. Khi không có cái tôi nào liên quan đến những thứ đó, sẽ không có cái tôi ở đó. Khi không có cái tôi ở đó, thì sẽ không có cái tôi ở đây, không có cái tôi nào ở khoảng giữa đây và đó. Khi không có cái tôi ở đó, không có cái tôi ở đây, và không có cái tôi ở giữa, thì kết thúc mọi khổ đau” (Bản Việt dịch từ tiếng Anh của Thanissaro Bhikkhu).

“Thế này, Bāhiya, ông nên tu tập thế này:

“Trong cái được thấy sẽ chỉ là cái được thấy; trong cái được nghe sẽ chỉ là cái được nghe; trong cái được thọ tưởng sẽ chỉ là cái được thọ tưởng; trong cái được thức tri sẽ chỉ là cái được thức tri”. Cứ thế mà tu tập đi, Bāhiya.

“Khi với ông, này Bāhiya, trong cái được thấy chỉ là cái được thấy... trong cái được thức tri chỉ là cái được thức tri, thì rồi Bāhiya, ông sẽ không là “với đó”. Này Bāhiya, khi ông không là “với đó”, thì rồi Bāhiya, ông sẽ không là “trong đó”. Này Bāhiya, khi ông không “trong đó”, thì rồi Bāhiya, ông sẽ không ở nơi này, cũng không ở nơi kia, cũng không ở chặng giữa. Thế này,

chỉ thế này, là đoạn tận khổ đau” (Bản dịch tiếng Việt của cư sĩ Nguyên Giác).

Y cứ vào nội dung của các bản Việt dịch nêu trên, chúng ta có thể hiểu ý nghĩa quan trọng mà Đức Thế Tôn đã dạy cho Tôn giả Bāhiya như sau:

Trong cái thấy chỉ là cái thấy;
 Trong cái nghe chỉ là cái nghe;
 Trong cái ngửi chỉ là cái ngửi;
 Trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị;
 Trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm;
 Trong cái biết chỉ là cái nhận biết.

Hay có thể diễn đạt cách khác như sau: Thấy chỉ là cái thấy; nghe chỉ là cái nghe; ngửi chỉ là cái ngửi; nếm vị chỉ là cái nếm vị; xúc chạm chỉ là cái xúc chạm; biết chỉ là cái nhận biết.

Đối chiếu nội dung kinh Bāhiya với những đoạn văn kinh trong Kinh Lăng Nghiêm, các bản kinh khác, các bài kệ và các công án của các bậc Tổ Sư.

Phẩm Khách chủ trong kinh Lăng Nghiêm

Khi ấy ông Kiều-trần-na đứng dậy bạch Phật: Nay con là hàng Trưởng lão, đối với trong đại chúng riêng được tên là Hiếu (giải) do con ngộ hai chữ “Khách trần” mà được thành Thánh quả. Bạch Đức Thế Tôn, ví như người khách đi đường, vào nghỉ nhờ một quán trọ, hoặc ngủ, hoặc ăn. Ăn ngủ xong sửa sang hành lý lên đường, chẳng ở lại nữa. Nếu thật là người chủ thì tự không đi đâu. Như thế mà suy xét, chẳng dừng trụ gọi là khách, dừng trụ là chủ. Do cái chẳng dừng trụ nên có nghĩa là “khách”.

Lại như mưa mới tạnh mặt trời lên trong trẻo, ánh sáng soi vào kẽ hở, trong hư không hiện rõ các tướng bụi bặm. Tính chất của bụi thì diêu động, còn hư không thường lặng lẽ. Như thế, nên con suy nghĩ: Lặng lặng gọi là hư không, diêu động gọi là bụi bặm. Do cái diêu động đó nên có nghĩa là “trần”.

Phật nói: “Đúng thế!”

Lời bình

Tâm chủ là dừng trụ, không sinh diệt. Chính chân tâm là trong cái biết chỉ là cái nhận biết mà Đức Thế Tôn đã dạy cho Tôn giả Bāhiya.

Tánh thấy sông Hằng trong Kinh Lăng Nghiêm

Phật bảo: “Đại vương, ông thấy sự biến hóa đổi thay không dừng, nên ngộ biết thân ông hoại diệt, vậy chính khi hoại diệt, ông có biết trong thân có cái gì chẳng hoại diệt chăng?”

Vua Ba-tư-nặc chấp tay bạch Phật: “Thật con chẳng biết”. Phật bảo: “Nay tôi chỉ cho ông tính chẳng sinh diệt. Đại vương, khi ông được bao nhiêu tuổi thì thấy nước sông Hằng?”

Vua thưa: “Con được ba tuổi, mẹ con dẫn đến lễ ra mắt thần Kỳ-bà Thiên, đi ngang qua dòng sông này, khi ấy con được thấy nước sông Hằng”. Phật bảo: “Đại vương, như ông đã nói: Khi hai mươi tuổi đã già hơn lúc mười tuổi, cho đến sáu mươi tuổi, năm tháng ngày giờ, niệm niệm dời đổi.

Vậy khi ông ba tuổi thấy sông Hằng này, đến mười ba tuổi cái thấy nước sông ấy thế nào?”

Vua thưa: “Như khi ba tuổi rõ ràng không khác, và đến nay con sáu mươi hai tuổi, cái thấy vẫn không khác”.

Phật bảo: “Nay ông tự cảm thương tóc bạc, mặt nhăn, mặt ông nhất định là nhăn hơn lúc trẻ. Vậy cái thấy của ông hiện nay xem thấy sông Hằng, cùng với khi xưa còn trẻ xem thấy sông Hằng, cái thấy đó có già có trẻ chăng?”

Vua thưa: “Bạch Thế Tôn, không vậy”.

Phật bảo: “Đại vương, mặt ông tuy nhăn, mà tính thấy này chưa từng bị nhăn. Cái bị nhăn thì biến đổi, còn cái chẳng bị nhăn thì không biến đổi. Cái biến đổi thì phải chịu hoại diệt, cái chẳng biến đổi kia vốn không sinh diệt, làm sao trong ấy lại nhận chịu cái sinh tử của ông, mà ông còn dẫn lời của bọn Mạt-già-lê kia bảo rằng, thân này sau khi chết hoàn toàn mất hẳn?”

Lời bình

Cái thấy rõ ràng không khác chính là chân tâm. Tâm này không có già có trẻ, chưa từng bị nhăn,

chưa từng biến đổi. Đó là trong cái thấy chỉ là cái thấy mà Đức Thế Tôn đã dạy cho Bāhiya.

Tám thứ trả về trong kinh Lăng Nghiêm

A-Nan, các tướng biến hóa này, sáng trả về cho mặt trời. Vì sao? Vì nếu không mặt trời thì không sáng. Nguyên nhân cái sáng thuộc về mặt trời, cho nên trả về cho mặt trời. Cái tối trả về cho đêm không trăng; thông suốt trả về cho cửa; ngăn bít trả về cho tường vách; sắc duyên trả về cho phân biệt; rỗng không trả về cho hư không; mù mịt trả về cho bụi; trong sáng trả về cho trời tạnh. Tất cả vật có ra trong thế gian đều không ngoài các thứ này.

Còn tính thấy sáng suốt của ông thấy tám thứ kia, ông muốn trả nó về đâu? Vì sao? Vì nếu trả về cho sáng, thì khi tối đến cũng không thấy tối. Tuy sáng tối mỗi mỗi đều sai khác, nhưng cái thấy không sai khác. Các thứ có thể trả về được, tự nhiên chẳng phải ông. Cái ông không thể trả về được, chẳng phải ông thì là gì?

Lời bình

Tánh thấy sáng suốt thấy được tám thứ kia, không sai khác, không trả về đâu được. Đó chính là trong cái thấy chỉ là cái thấy mà Đức Thế Tôn đã dạy cho Tôn giả Bāhiya.

Tánh nghe trong kinh Lăng Nghiêm

Biết có biết không, tự là thanh trần hoặc có hoặc không. Nếu tính nghe nói là thật không thì ai biết là không nghe? Thế nên A-nan, tiếng trong cái nghe tự có sinh diệt, chẳng phải vì ông nghe tiếng sinh tiếng diệt, khiến cho tính nghe của ông là có hay là không. Ông còn điên đảo lầm cho cái tiếng làm cái nghe, thì đâu có lạ gì không mê muội cho cái thường làm cái đoạn.

Lời bình

Thanh trần đối với tánh nghe thì có sinh có diệt, còn tánh nghe thì không sinh không diệt. Chính tánh nghe (chân tâm) này là trong cái nghe chỉ là cái nghe, mà Đức Phật đã dạy cho Tôn giả Bāhiya.

Trích từ phẩm “Phổ Hiền” trong kinh Viên Giác

“Này thiện nam, biết pháp huyễn hóa tức là, chẳng khởi phương tiện, là pháp huyễn hóa liên giác, cũng không có thứ lớp” (Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch).

Lời bình

Biết pháp huyễn hóa tức là, chẳng khởi phương tiện, là pháp huyễn hóa liên giác, cũng không có thứ lớp. Pháp huyễn ở đây là chỉ cho vọng tâm; còn tâm nhận biết như thật được vọng tâm, thì tâm nhận biết này là chân tâm. Đó chính là trong cái biết chỉ là cái nhận biết mà Đức Thế Tôn đã chỉ dạy cho Tôn giả Bāhiya.

Tinh thần vô trụ trong Kinh Kim Cương

“Lại nữa, Tu Bồ Đề! Khi bố thí, Bồ-tát chẳng trụ vào pháp. Có nghĩa là bố thí mà chẳng trụ vào sắc, bố thí mà chẳng trụ vào thanh, hương, vị, xúc và pháp.

Tu Bồ Đề! Bồ-tát nên bố thí như thế, chẳng trụ nơi tướng. Vì sao? Nếu Bồ Tát bố thí mà chẳng trụ tướng thì phước đức không thể suy lường được”.

Bình giải

Bồ-tát bố thí mà không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần. Đó chính là trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, trong cái biết chỉ là cái nhận biết mà Đức Phật đã dạy cho Tôn giả Bāhiya.

Cuộc đối thoại từ hai vị đại Bồ-tát trong phẩm “Pháp Môn Bất Nhị” của Kinh Duy Ma Cật.

Bồ-tát Đức Thủ nói: “Ngã”, “Ngã sở” là hai. Nhân bởi có ngã nên có ngã sở. Nếu không có ngã thì không có ngã sở. Đó là vào cửa pháp bất nhị.

Bồ-tát Phất-sa nói: “Thiện và bất thiện là hai. Nếu không khởi thiện hay bất thiện là nhập cửa vô tướng. Thông suốt như vậy là vào cửa pháp bất nhị” (Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ dịch).

Lời bình

Lời dạy của hai vị Bồ-tát này đều khẳng định: Nếu không có ngã thì không có ngã sở, nếu không khởi thiện hay bất thiện là nhập cửa vô tướng,

là vào cửa pháp bất nhị. Ý nghĩa này đã được Đức Phật dạy cho Tôn giả Bāhiya, “Ông phải thực tập như sau: Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái biết chỉ là cái nhận biết”.

Trích phẩm “Định Tuệ” trong Kinh Pháp Bảo Đàn

Tổ dạy chúng: “Này thiện tri thức, pháp môn của ta đây lấy định tuệ làm gốc, đại chúng chớ lầm nói định tuệ riêng, định tuệ một thể không phải là hai.

Định là thể của tuệ, tuệ là dụng của định; ngay khi tuệ, định ở tại tuệ; ngay khi định, tuệ ở tại định, nếu biết được nghĩa này tức là cái học định tuệ bình đẳng. Những người học đạo chớ nói trước định rồi sau mới phát tuệ, trước tuệ rồi sau mới phát định, mỗi cái riêng khác. Khởi cái thấy như thế ấy thì pháp có hai tướng.

Miệng nói lời thiện mà trong tâm không thiện thì không có định tuệ, định tuệ không bình đẳng. Nếu tâm, miệng đều là thiện, trong ngoài một thứ, định tuệ tức là bình đẳng. Tự ngộ tu hành không ở chỗ tranh cãi, nếu tranh trước sau tức là đồng với

người mê, không dứt sự hơn thua, trở lại tăng ngã và pháp, không là bốn tướng.

Này thiện tri thức, định tuệ ví như cái gì? Ví như ngọn đèn và ánh sáng. Có ngọn đèn tức có ánh sáng, không đèn tức là tối, đèn là thể của ánh sáng, ánh sáng là dụng của đèn, tên tuy có hai mà thể vốn đồng một, pháp định tuệ này cũng lại như thế” (Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch).

Lời bình

Định là thể của tuệ, tuệ là dụng của định. Ngay khi tuệ, định ở tại tuệ; ngay khi định, tuệ ở tại định, nếu biết được nghĩa này, tức là cái học định tuệ bình đẳng. Định - tuệ đồng thời chính là tâm vô lậu. Đây cũng là trong cái thấy chỉ là cái thấy mà Đức Thế Tôn dạy cho Tôn giả Bāhiya.

Trích phẩm “Toạ Thiền” trong Kinh Pháp Bảo Đàn

“Này thiện tri thức, nếu người tu hạnh bất động, chỉ khi thấy tất cả người, không thấy việc phải quấy, tốt xấu, lỗi lầm của người tức là tự tánh bất động.

Này thiện tri thức, sao gọi là tọa thiền? Trong pháp môn này không chướng không ngại, ngoài đối với tất cả cảnh giới thiện ác, tâm niệm chẳng khởi gọi là tọa, trong thấy tự tánh chẳng động gọi là thiền.

Này thiện tri thức, sao gọi là thiền định? Ngoài lìa tướng là thiền, trong chẳng loạn là định. Nếu khi thấy các cảnh mà tâm chẳng loạn ấy là chân định vậy” (Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch).

Lời bình

Ý nghĩa của đoạn ngũ lục trên hoàn toàn không khác với lời dạy của Đức Phật dành cho Tôn giả Bāhiya: “Ông phải thực tập như sau: Trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái biết chỉ là cái nhận biết”.

Bài kệ trong kinh Lăng Nghiêm và một số bài kệ của các vị Tổ Sư.

Hán văn:

Tri kiến lập tri tức vô minh bốn, Tri kiến vô kiến tức thị Niết-bàn.

Việt dịch:

Thấy biết được dựng lập bởi khái niệm thấy biết (ý niệm phân biệt) thì đó chính là cội gốc của vô minh; thấy biết mà không còn lập ý niệm phân biệt thấy biết, đó gọi là Niết-bàn (Trích *Kinh Lăng Nghiêm*).

Lời bình

Thật vậy, thấy biết mà lìa tướng thấy biết (không phân biệt), đó chính là Niết-bàn. Ấy là trong cái thấy chỉ là cái thấy mà Đức Phật đã dạy cho Tôn giả Bāhiya.

Chân tâm của mỗi chúng ta đã được nhắc rất nhiều trong Kinh Lăng Nghiêm. Cũng vậy, từ xưa đến nay chư vị tổ sư truyền cho nhau cũng chỉ rõ tâm chân thật này. Đọc lại bài kệ của ba vị tổ: Ngài Ma-Noa-La (Manorhita), tổ thứ 22; ngài Bà-Xá-Tư-Đa (Basiasita), tổ thứ 25 và Phật Hoàng Trần Nhân Tông - Sơ tổ của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, chúng ta sẽ thấy được giá trị lớn lao khi nhận lại chân tâm này.

“Tâm theo muôn cảnh chuyển

Chỗ chuyển thật kín sâu,

*Theo dòng nhận được tánh
Không mừng cũng không lo”.*

(Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch)

*“Thánh nhân nói tri kiến
Ngay cảnh không phải quấy,
Nay ta ngộ tánh ấy
Không đạo cũng không lý”.*

(Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch)

*“Ở đời vui đạo hãy tùy duyên
Đói đến thì ăn mệt ngủ liền,
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm
Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiên”.*

(Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch)

Lời bình

Lời dạy của chư Tổ như “Theo dòng nhận được tánh, không mừng cũng không lo”; “Thánh nhân nói tri kiến, ngay cảnh không phải quấy”; “Trong nhà có báu thôi tìm kiếm, đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiên”. Những lời dạy này không ngoài ý nghĩa mà Đức Phật đã dạy

cho Tôn giả Bāhiya: “Ông phải thực tập như sau: trong cái thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái biết chỉ là cái nhận biết”.

Chỉ bày chân tâm qua các công án

01.

Thiền sư Thường Quán hỏi một vị thầy mới đến rằng:

Thầy từ đâu đến?

Vị Thầy thưa: Bạch Hòa Thượng, con từ nông trại đến.

Ngài lại hỏi: Thầy có thấy trâu chăng? Vị Thầy thưa: Dạ thấy.

Ngài lại hỏi: Thầy thấy sừng bên trái hay sừng bên phải?

Vị Thầy không trả lời được nên Ngài đáp thế: *Này con! Cái thấy không có phải trái!*

02.

Ngài Triệu Châu đã dạy cho người thị giả rằng: “Này con, đây là lửa nhưng con đừng gọi là lửa,

thầy đã chỉ dạy cho con xong. Con có lãnh hội lời thầy dạy không?”

Người thị giả vẫn không lãnh hội được cho nên ngài đến gấp lửa đưa lên rồi tiếp tục hỏi thị giả: “Con có lãnh hội được không?”

Lời bình

Thiền sư Thường Quán và Triệu Châu đã dạy “*Này con! Cái thấy không có phải trái!*” Hay “*Đây là lửa nhưng con đừng gọi là lửa, thầy đã chỉ dạy cho con xong*” đều muốn chỉ bày cho hàng hậu học cái tánh thấy thường trụ. Đây chính là trong cái thấy chỉ là cái thấy mà Đức Thế Tôn đã chỉ dạy cho Tôn giả Bāhiya.

03.

Thiền sư Cảnh Thanh ngồi trong thất nghe tiếng mưa rơi nên hỏi một vị Thầy rằng: Ấy là tiếng gì?

Vị Thầy thưa: Đó là tiếng mưa rơi.

Ngài mới dạy rằng: Chúng sinh điên đảo, quên mình theo vật.

Vị Thầy thưa: Hòa Thượng thế nào?

Ngài Cảnh Thanh đáp: Ta chẳng quên mình theo vật.

04.

Một bà lão đến hỏi thiền sư Đại Đồng rằng: Nhà con vừa mất trâu, thỉnh thầy bói cho một quẻ.

Ngài Đại Đồng liền gọi: Bà lão!

Bà lão đáp: Dạ!

Ngài bảo: Đây rồi! Bà lão liền nhận được trâu.

Lời bình

Những lời dạy của thiền sư Cảnh Thanh và Đại Đồng đều giống với những gì mà Đức Phật đã dạy cho Tôn giả Bāhiya: Trong cái nghe chỉ là cái nghe.

Lời kết

Qua một số đối chiếu về nội dung Kinh Bāhiya Dāruciriyā trong *Tiểu Bộ Kinh*, cũng như ý nghĩa của một số đoạn văn kinh thuộc truyền thống của Đại Thừa và lời dạy của các bậc thánh nhân, chúng ta sẽ nhận thấy rằng tuy sự thi thiết về phương tiện ngôn ngữ có sự đa dạng và khéo léo, nhưng ý nghĩa tu tập hoàn toàn giống nhau. Đó chính

là tu tập Bát chánh đạo. Bát chánh đạo gồm Bát chánh đạo hữu lậu và Bát chánh đạo vô lậu. Trong đó, tu tập Bát chánh đạo hữu lậu để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập Bát chánh đạo vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Vì vậy, khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được chánh kiến vô lậu hay tâm vô lậu thì sẽ bắt đầu tu tập Bát chánh đạo vô lậu. Chính tâm vô lậu là định - tuệ đồng thời. Tâm này thường rỗng lặng gọi là định, ở trong tâm ấy thường có trí tuệ nhận biết được tâm rỗng lặng, cũng như các pháp thiện ác, nam nữ, xanh đỏ, v.v... gọi là tuệ. Trong Bát chánh đạo: chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc nhóm giới (thiện); chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định. Vì thế, khi các bậc thánh giả an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến và chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Do đó, các bậc thánh giả

tu tập Bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Tu tập giới - định - tuệ vô lậu nghĩa là các Ngài sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Tuy vậy, các bậc Thánh giả thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các Ngài vẫn chưa sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Chỉ có những bậc thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh văn thừa), hàng Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa) và hàng Bồ-tát Bát-địa (Bồ-tát thừa) đã đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các Ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Tuy nhiên, theo Kinh và Luận thuộc truyền thống của Đại thừa thì những bậc thánh

Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh văn thừa), hàng Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa) và hàng Bồ-tát Bát-địa (Bồ-tát thừa) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng) nên các Ngài vẫn chưa sống hoàn toàn trọn vẹn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Duy chỉ có đức Thế Tôn mới đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) và chấp pháp (sở tri chướng) nên Ngài mới sống hoàn toàn trọn vẹn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Vì vậy, chỉ có Đức Thế Tôn mới sống hoàn toàn trọn vẹn với Bát chánh đạo vô lậu.



4



CHÂN TÂM VÀ VỌNG TÂM

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật có dạy: *“Lành thay, A-nan! Các ông phải biết: Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, sinh tử tiếp nối đều do chẳng biết chân tâm thường trụ tính thể trong sạch sáng suốt mà nhận các vọng tưởng, các tưởng này không phải chân thật, nên bị luân chuyển”*. Y cứ vào đoạn kinh văn này thì chúng ta hiểu rằng: tất cả chúng ta vốn có vọng tâm và chân tâm. Vọng tâm gồm có vọng tâm bất thiện và vọng tâm thiện. Trong đó, vọng tâm bất thiện chính là tà kiến và tà tư duy. Còn vọng tâm thiện chính là chánh kiến và chánh tư duy hữu lậu. Bởi vì vọng tâm là tâm duyên sinh nên vô thường, khổ và vô ngã. Do tâm này là tâm duyên sinh nên có tính năng thủ và sở thủ. Ngược lại, chân tâm chính là chánh kiến và chánh tư duy vô lậu. Vì tâm này là tâm phi nhân duyên nên không, vô tướng và vô tác. Bởi vì chân tâm

là không, vô tướng và vô tác, nên không có tính năng thủ và sở thủ mà chỉ có trí tuệ nhận biết rõ như thật tất cả pháp. Vì vậy, tất cả chúng ta do đã sống với vọng tâm nên mới tạo các nghiệp thiện và nghiệp bất thiện qua ba nghiệp (thân, khẩu, ý), để rồi phải thọ quả sinh tử khổ đau trong các giới loại. Còn các bậc thánh nhân do sống trong chân tâm, nên tạo thành chánh báo (thân) và hỗ trợ cho sự hình thành y báo (quốc độ) thù thắng trong các quốc độ.

Trong tài sản kinh và luận mà Chư Phật, Chư Tổ để lại, có rất nhiều ngôn ngữ để mô tả chân tâm không sinh diệt:

Tên khác của chân tâm

Hỏi: Đã sanh chánh tín, nhưng chưa biết thế nào gọi là chân tâm?

Đáp: Là vọng gọi là chân. Linh giám gọi là tâm. Trong Kinh Lăng Nghiêm đã nói rõ tâm này.

Hỏi: Chỉ gọi chân tâm thôi, hay có tên riêng khác nữa chăng?

Đáp: Phật dạy, Tổ dạy lập danh không đồng nhau. Phật dạy trong Bồ Tát Giới gọi là Tâm Địa, vì hay phát sanh muôn việc thiện. Kinh Bát-nhã gọi là Bồ Đề, vì lấy giác làm thể. Kinh Hoa Nghiêm gọi là Pháp Giới, vì giao triệt và dung nhiếp. Kinh Kim Cang gọi là Như Lai, vì không từ đâu đến. Kinh Bát-nhã gọi là Niết-bàn, vì là chỗ quy hướng của chư Thánh. Kinh Kim Quang Minh gọi là Như Như, vì chân thường bất biến. Kinh Tịnh Danh gọi là Pháp Thân, vì là chỗ nương của báo thân và hóa thân. Luận Khởi Tẩn gọi là Chân Như, vì chẳng sanh chẳng diệt. Kinh Niết-bàn gọi là Phật Tánh vì là bản thể của ba thân. Kinh Viên Giác gọi là Tổng Trì, vì mọi công đức từ đó mà lưu xuất. Kinh Thắng Man gọi là Như Lai Tạng, vì ẩn phú và hàm nhiếp. Kinh Liễu Nghĩa gọi là Viên Giác, vì hay chiếu phá mờ tối.

Do đây nên Ngài Vĩnh Minh thiền sư trong *Duy Tâm Quyết* nói: “Một pháp có ngàn tên, tùy theo duyên mà lập hiệu. Tất cả còn đầy đủ trong các kinh, không thể kể ra hết được.”

Hỏi: Phật dạy đã biết, Tổ dạy như thế nào?

Đáp: Cửa Tổ Sư dứt tuyệt danh ngôn, danh còn chẳng lập, sao lại có nhiều tên? Chỉ vì ứng theo cơ duyên nên tên cũng lắm. Có lúc gọi là Tự Kỷ, vì là bản tánh của chúng sanh. Có lúc gọi là Chánh Nhãn, vì hay soi tướng của muôn loài. Có lúc gọi là Diệu Tâm, vì hư linh và tịch chiếu. Có lúc gọi là Chủ Nhơn Ông, vì xưa nay từng gánh vác. Có lúc gọi là Đờn Không Dây, vì hiện ra diệu vận. Có lúc gọi là Vô Tận Đẳng, vì hay chiếu phá mê tình. Có khi gọi là Cây Không Rễ, vì gốc rễ bền chắc. Có khi gọi là Suy Mao Kiếm, vì hay chặt đứt căn trần. Có lúc gọi là Nước Vô Vi, vì sóng êm bể lặng. Có lúc gọi là Mâu Ni Châu, vì hay giúp đỡ người nghèo khó. Có lúc gọi là Vô Nhu Tỏa, vì cửa sáu tình đóng. Cho đến nào là trâu đất, ngựa gỗ, tâm nguyên, tâm ấn, tâm cảnh, tâm nguyệt, tâm châu, v.v... nhiều tên khác nhau không thể ghi ra cho hết. Nếu đạt được chân tâm thì các tên đều hiểu cả. Bằng mê muội chân tâm thì còn bị trệ nơi các tên. Cho nên đối với chân tâm cần yếu nên xét kỹ (Chân Tâm Trực Thuyết - Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch).

Hỏi: Sao biết giữ chân tâm là yếu môn vào đạo?

Đáp: Cho đến đưa một tay lên, lấy móng tay vẽ hình tượng Phật, hoặc tạo công đức như cát sông Hằng, chỉ là Phật vì giáo hóa chúng sanh không trí huệ, tạo nghiệp được quả báo thù thắng ở đời sau và gây nhân thấy Phật. Nếu người mong sớm thành Phật nên giữ chân tâm. Trong ba đời, chư Phật nhiều vô lượng vô biên, nếu có một vị không giữ chân tâm mà thành Phật, hoàn toàn vô lý.

Cho nên kinh nói: “Cột tâm một chỗ, không việc gì chẳng xong”. Thế nên biết giữ chân tâm là yếu môn vào đạo.

Hỏi: Sao biết giữ chân tâm là tông của mười hai bộ kinh?

Đáp: Ở trong tất cả kinh, Như Lai nói tất cả tội phước, tất cả nhân duyên quả báo, dẫn tất cả núi sông, quả đất, cỏ cây, v.v... các thứ tạp vật, để ra thí dụ nhiều vô lượng vô biên, hoặc hiện thần thông vô lượng các thứ biến hóa, chỉ là Phật vì giáo hóa chúng sanh không trí huệ các thứ tâm dục, tâm hành muôn vàn sai khác. Thế nên biết, Như Lai tùy cửa tâm kia dẫn vào Nhất Thừa. Chúng ta đã

thể nhận Phật tánh của chúng sanh xưa nay thanh tịnh, như mặt trời bị mây che. Chỉ cốt rõ ràng giữ chân tâm, mây vọng niệm hết, mặt trời trí huệ liền hiện. Đâu cần học nhiều những cái thấy biết bị khổ sanh tử, tất cả nghĩa lý và việc trong ba đời. Ví như lau gương, bụi hết, ánh sáng tự nhiên hiện. Nay ở trong tâm vô minh mà học được, trọn không kham. Nếu hay rõ ràng không mất chánh niệm, trong tâm vô vi học được, ấy là chơn học. Tuy nói chơn học trọn không có chỗ học.

Vì có sao? Vì ta và Niết-bàn cả hai đều không. Lại không hai, không một nên không có chỗ học. Pháp tánh tuy không, cần phải rõ ràng giữ chân tâm. Vì để vọng niệm không sanh, tâm ngã sở diệt. Kinh Niết Bàn nói: “Người biết Phật không nói pháp, ấy gọi là đa văn đầy đủ”. Nên biết, giữ chân tâm là tông của mười hai bộ kinh.

Hỏi: Sao biết giữ chân tâm là Tổ của chư Phật ba đời?

Đáp: Chư Phật ba đời đều từ trong tâm tánh sanh. Trước do giữ chân tâm, vọng niệm không sanh, tâm ngã sở diệt sau mới được thành Phật.

Cho nên biết giữ chân tâm là Tổ của chư Phật ba đời. (Luận Tối Thượng Thừa - Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch)

Trong *Tiểu Bộ Kinh*, Đức Phật dạy cho Tôn giả Bāhiya cần phải học tập như sau: *“Trong cái thấy chỉ là cái thấy. Trong cái nghe chỉ là cái nghe. Trong cái ngửi chỉ là cái ngửi. Trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị. Trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm. Trong cái biết chỉ là cái nhận biết...”*

Đó là cái thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm và nhận biết bởi chân tâm không sinh diệt. Trong cái thấy chỉ là cái thấy, đó là cái thấy của chân tâm; trong cái nghe chỉ là cái nghe, đó là cái nghe của chân tâm; trong cái ngửi chỉ là cái ngửi, đó là cái ngửi của chân tâm; trong cái nếm vị chỉ là cái nếm vị, đó là cái nếm vị của chân tâm; trong cái xúc chạm chỉ là cái xúc chạm, đó là xúc chạm của chân tâm; trong cái nhận biết chỉ là cái nhận biết, đó là nhận biết trong sáng của chân tâm.

Chân lý này đã được rất nhiều thiền sư chỉ dạy thông qua các phương tiện khác nhau, Ngài Triệu Châu dạy thị giả là ví dụ điển hình: “Này con!

Đây là lửa nhưng con đừng gọi tên là lửa, Thầy đã chỉ dạy cho con xong rồi vậy”.

Theo ý nghĩa lời dạy trên, chúng ta có thể hiểu rằng sự nhận biết của chân tâm là cái biết không phân biệt (trực nhận) trên các đối tượng (ngũ thủ uẩn). Chính mỗi khi quán sát các sắc pháp như cái bàn, cái ly, con người... cho đến sự tập khởi của các cảm thọ, tri giác, tâm hành và nhận thức mà thấy biết như thật không sinh khởi khái niệm phân biệt gì thì đó là cái thấy của chân tâm.

Để tiếp tục làm rõ ý nghĩa trên, thiền sư Vô Trụ đã khai thị cho tướng quốc Đỗ Hồng Tiệm và đại chúng rằng:

“Thiền sư Vô trụ, ở chùa Bảo Đường, Ích Châu. Sư chuyên ngồi lặng lẽ. Tướng quốc Đỗ Hồng Tiệm từng cùng sư luận đạo. Một hôm, con quạ đậu trên cây trước sân kêu. Tướng công hỏi: Thầy có nghe chăng?

Sư đáp: Nghe!

Quạ bay đi, tướng công lại hỏi: Thầy có nghe chăng?

Sư đáp: Nghe! Tướng công lại hỏi:

Quạ bay đi, không tiếng, tại sao thầy nói nghe!

Sư gọi đại chúng bảo: Phật ra đời khó gặp, chánh pháp khó nghe, các ông lắng nghe cho kỹ! Có tiếng hay không có tiếng chẳng quan hệ gì đến tánh nghe. Tánh nghe xưa nay chẳng sanh, đâu từng có diệt! Khi có tiếng thanh trần tự sanh, khi không tiếng thanh trần tự diệt, nhưng tánh nghe này chẳng nhân nơi tiếng mà có sanh, có diệt. Ngộ tánh nghe này liền khỏi thanh trần chi phối. Phải biết, tánh nghe vốn không sanh không diệt, không đến không đi.

Tướng công cùng các quan chức và đại chúng đều cúi đầu chấp nhận.

Sư lại dạy tiếp:

Thấy cảnh tâm chẳng khởi, gọi là chẳng sinh. Chẳng sinh tức chẳng diệt. Đã không sinh diệt tức không bị tiền trần (ngoại cảnh) trói buộc, ngay đó là giải thoát. Không sinh gọi là vô niệm, vô niệm tức không diệt, vô niệm tức không trói buộc, vô niệm tức giải thoát. Tóm lại, biết tâm tức là niệm, thấy tánh tức giải thoát. Rồi ngoài biết tâm thấy tánh,

riêng có pháp môn chúng Vô Thượng Bồ Đề, không có lý vậy.

Tướng công hỏi: Thế nào gọi là biết tâm và thấy tánh?

Sư đáp: Tất cả người học đạo, theo vọng niệm trôi lăn bởi do chẳng biết chân tâm. Chân tâm niệm sinh, chẳng theo niệm cùng sinh, niệm diệt chẳng theo niệm cùng diệt, chẳng đến chẳng đi, chẳng định chẳng loạn, chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng nổi chẳng chìm, vô vi vô tướng, bén nhạy linh thông, bình thường tự tại. Tâm thể này, rốt ráo không thể đặng, không thể hiểu biết, chạm mắt đều như, thấy trọn thấy tánh.

Tướng công và đại chúng làm lễ khen ngợi vui mừng rồi lui ra” (Trích Ngũ Đăng Hội Nguyên, Hòa Thượng Thích Phước Hảo dịch).

Chúng ta cần phải ở nơi vọng tâm sinh diệt để lãnh hội chân tâm không sinh diệt. Nghĩa là, vọng tâm sinh khởi như thế nào thì chúng ta chỉ nhận biết như thật vọng tâm đang tập khởi đúng như thế ấy tức trong cái biết chỉ là cái nhận biết. Đây chính là cái nhận biết của chân tâm.

Một khi đã lãnh hội được chân tâm, chúng ta cần phải quyết chí nỗ lực tu tập trong đời sống thường nhật để điều phục, đoạn trừ vọng tâm. Để làm được điều này, chúng ta phải tránh các duyên bên ngoài để dành nhiều thời gian cho công phu tu tập chuyên nhất. Chỉ khi đó, chúng ta mới điều phục, đoạn trừ vọng niệm (tham, sân, si). Nếu chúng ta không hạn chế các điều kiện bận rộn bên ngoài, thì sẽ rất khó để điều phục được vọng tâm sinh diệt. Bởi vọng tâm chính là sự tập khởi năm thủ uẩn (khổ đế, tập đế) của chính mình. Bởi vì câu sinh ngã chấp và câu sinh pháp chấp đối với sự tập khởi của năm thủ uẩn này, cho là thường trụ và không biến hoại, vốn được huân tập hư vọng từ vô lượng kiếp luân hồi nên không dễ gì mà điều phục hay đoạn trừ được trong một thời gian ngắn. Chính vì thế, chúng ta phải tha thiết, nỗ lực tu tập không chỉ trong một đời mà cho đến khi nào đoạn tận được hoàn toàn khổ đau (khổ đế - tập đế).

Khi đọc vào các ngữ lục của bậc hiền thánh trong quá khứ để lại, chúng ta được nghe dạy rằng: *“Đối với lý thì không có thứ lớp nhưng sự phải có*

thứ lớp để đoạn trừ”. Chữ “lý” của lời dạy trên là chân tâm không sinh diệt (tâm vô lậu) nên không có thứ lớp để tu tập; chữ “sự” đó là sự tập khởi của vọng niệm sinh diệt (năm thủ uẩn). Các ngài dạy về lý không sinh diệt, tuy nói không có thứ lớp, nhưng để an trú được trong chân tâm thì vọng tâm phải được đoạn trừ từ thô cho đến tế. Cho nên, các bậc Thánh đã thể nhập chân tâm cũng có từng phần cạn hay sâu khác nhau. Y vào sự đoạn trừ vọng tâm (khổ đế - tập đế) mà Đức Phật đã thiết lập lộ trình tu tập (thánh quả) tức là từ Sơ quả đến Tứ quả. Thế nên, sự thể nhập sâu hay cạn trong tâm vô lậu của các bậc hiền thánh cũng có sự sai biệt. Vì thế, trong kinh Kim Cang, Đức Phật dạy: *“Tất cả Hiền Thánh đều từ nơi pháp vô vi mà có những khác biệt”*.

Khi chúng ta đã lãnh hội và an trú trong chân tâm để nỗ lực tu tập, thì vọng tâm sẽ được điều phục, đoạn trừ. Một khi vọng tâm (tham, sân, si) được đoạn trừ bao nhiêu, chúng ta sẽ sống và thể nhập với chân tâm rỗng lặng bấy nhiêu. Chân tâm được rỗng lặng chừng nào, thì diệu dụng của trí

tương ứng chừng ấy. Bởi sự rỗng lặng của chân tâm là thể, trí là dụng; thể rỗng lặng của chân tâm không thể rời dụng (trí). Và ngược lại, dụng (trí) không rời thể rỗng lặng của chân tâm. Cho nên, chân tâm (thể) được rỗng lặng cũng như rộng lớn chừng nào thì trí (dụng) cũng theo thể của chân tâm mà rộng lớn chừng ấy. Bởi thể của chân tâm chính là định, còn dụng của chân tâm là tuệ nên đó là định tuệ đồng thời. Khi chúng ta đã đạt được sự rỗng lặng không sinh diệt của chân tâm, thì mỗi lúc đi, đứng, nằm, ngồi, thấy, nghe, nói năng hoặc im lặng đều rỗng lặng. Đó chính là thường định và thường tuệ. Chúng ta tu tập đạt được sự rỗng lặng đối với chân tâm như vậy thì mới cảm nhận được phần nào sự bình an chân thật của thân và tâm.



LỜI KẾT



Những người xuất gia và những người cư sĩ tại gia đều tu tập Đạo thánh để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm đạt đến diệt thánh đế. Đạo thánh đế gồm Đạo thánh đế hữu lậu và Đạo thánh đế vô lậu. Trong đó, tu tập Đạo thánh đế hữu lậu chính là tu tập Bát chánh đạo hữu lậu. Tu tập Bát chánh đạo hữu lậu chính là tu tập giới - định - tuệ hữu lậu để điều phục, đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu quả báo tốt đẹp của nhân thiên trong các giới loại. Còn tu tập Đạo thánh đế vô lậu chính là tu tập Bát chánh đạo vô lậu. Tu tập Bát chánh đạo vô lậu cũng chính là tu tập giới - định - tuệ vô lậu để đoạn trừ khổ đế - tập đế nhằm thành tựu tứ thánh quả và cho đến quả vị Phật. Vì vậy, khi hành giả kiến đạo tức lãnh hội được chân tâm thì sẽ bắt đầu tu tập Bát chánh đạo vô lậu. Chính chân tâm là định - tuệ đồng thời. Tâm thường rỗng lặng gọi là định, ở trong tâm ấy có trí tuệ nhận biết được tâm thường rỗng lặng, cũng như các pháp thiện ác,

nam nữ, xanh đỏ, v.v... gọi là tuệ. Trong Bát chánh đạo: chánh kiến và chánh tư duy thuộc nhóm tuệ; chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc nhóm giới (thiện); chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc nhóm định. Vì thế, khi các bậc thánh giả an trụ trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến và chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Do đó, các bậc thánh giả tu tập Bát chánh đạo vô lậu chính là tu tập giới - định - tuệ vô lậu. Tu tập giới - định - tuệ vô lậu nghĩa là các Ngài sống trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định) và tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) nên sẽ dẫn sinh ra giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng). Tuy vậy, các bậc Thánh giả thuộc hàng Hữu học (Sơ quả, Nhị quả, Tam quả) chưa đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) nên các Ngài vẫn chưa sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Chỉ có

những bậc thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh văn thừa), hàng Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa) và hàng Bồ-tát Bát-địa (Bồ-tát thừa) đã đoạn trừ hoàn toàn khổ đế - tập đế nên đạt được Niết-bàn. Bởi vì sống trong Niết-bàn nên các Ngài mới sống hoàn toàn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Tuy nhiên, theo Kinh và Luận thuộc truyền thống của Đại thừa thì những bậc thánh Vô học của ba thừa: A-la-hán (Thanh văn thừa), hàng Bích Chi Phật (Duyên Giác thừa) và hàng Bồ-tát Bát-địa (Bồ-tát thừa) chưa đoạn trừ được hoàn toàn chấp pháp (sở tri chướng) nên các Ngài vẫn chưa sống hoàn toàn trọn vẹn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Duy chỉ có Đức Thế Tôn mới đoạn trừ hoàn toàn chấp ngã (phiền não chướng) và chấp pháp (sở tri chướng) nên Ngài mới sống hoàn toàn trọn vẹn trong định vô lậu (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định),

tuệ vô lậu (chánh kiến, chánh tư duy) và giới vô lậu (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng). Vì vậy, chỉ có Đức Thế Tôn mới sống hoàn toàn trọn vẹn với Bát chánh đạo vô lậu.

NIỆM - ĐỊNH - TUỆ
HỮU LẬU
và
NIỆM - ĐỊNH - TUỆ
VÔ LẬU

Tác giả: Thích Thắng Giải

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: (024)37822845

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản: **Giám đốc - ThS. Nguyễn Hữu Có**

Chịu trách nhiệm nội dung: **Tổng biên tập - Lê Hồng Sơn**

Biên tập viên nhà xuất bản: **Nguyễn Thị Thanh Thủy**

Sửa bản in: Ngọc Hân

Thiết kế bìa: Hoàn Thanh Tú

Trình bày: Thu Hiền

Đối tác liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THÁI HÀ

119 C5 Tô Hiệu - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

Tel: (024) 3793 0480; Fax: (024) 6287 3238

Website: www.thaihabooks.com

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Thích Thắng Giải

Niệm - Định - Tuệ hữu lậu và Niệm - Định - Tuệ vô lậu / Thích Thắng Giải. - H. :
Tôn giáo ; Công ty Sách Thái Hà, 2025. - 164 tr. ; 21 cm

1. Đạo Phật 2. Phật học 3. Tu hành

294.3444 - dc23

TOM0017p-CIP

In 300 bản khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty Cổ phần In Bắc Sơn. Địa chỉ: Số 262 Phúc
Diễn, P. Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội. Số đăng ký KHXB: 148-2025/
CXBIPH/07-02/TG. Quyết định xuất bản số: 150/QĐ-NXBTG cấp ngày 26 tháng
02 năm 2025. In xong và nộp lưu chiểu năm 2025.

ISBN: 978-604-941-196-0

